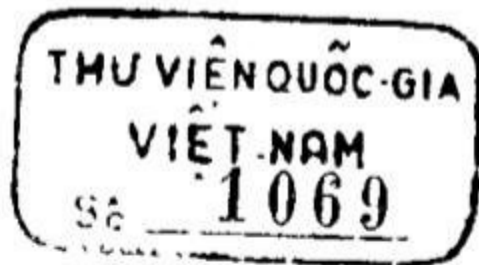


HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH

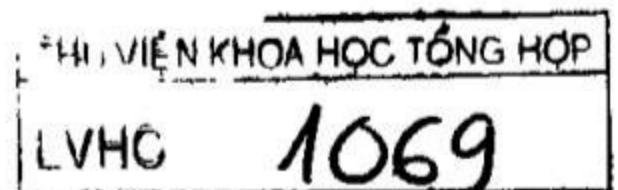
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

**VẤN - ĐỀ KIỂM - DUYỆT BÁO - CHÍ  
TẠI VIỆT - NAM**



GIÁO-SƯ NGUYỄN-MẠNH-HÙNG  
TIẾN-SĨ CHÍNH-TRỊ-HỌC  
HƯỚNG-DẪN

S. V. Hà - Vinh - Yên  
ĐỀ TRÌNH





*Chân thành cảm tạ :*

*giáo sư Nguyễn-mạnh-Hùng*

*đã hướng dẫn tôi hoàn thành Luận Văn này*

# LỜI CẢM TẠ

*Bên chân-thành cảm-tạ:*

**ÔO VÕ ĐẠI TÔN**  
Phụ tá Tổng Trưởng  
Đặc trách Công tác

**LƯU VĨNH LỮ**  
Giám Đốc Nha Báo chí

**NGUYỄN NGỌC HUYẾN**  
Quản Đốc Trung Tâm Quốc gia Báo chí

**NGUYỄN VĂN ĐIỀN**  
Chánh Sự Vụ Sở Hành Chánh & Nhân Viên

*đã giúp-đỡ tôi trong thời-gian thực-tập tại  
Bộ-Chống-Cin để hoàn-thành Luận-Văn này*

## LỜI MỞ ĐẦU

**K**hi chọn "Vấn đề kiểm duyệt báo chí tại Việt Nam" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp, chúng tôi đã biết rằng mình sẽ gặp nhiều khó khăn và nhất là khó làm hài lòng người đọc vì vấn đề kiểm duyệt báo chí là vấn đề đã được bàn cãi rất nhiều và đã bàn cãi từ lâu rồi bởi những người có khả năng cũng như có trách nhiệm về chính sách báo chí tại Việt-Nam. Trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn là Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, vấn đề trên cũng đã liên tiếp hai lần được chọn làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của hai anh Nguyễn Huy-Sĩ, Sinh viên ban Đọc Sự khóa 12 và anh Phạm Hồ, sinh viên ban Đọc Sự khóa 13 (1). Thế mà ngày nay chúng tôi lại chọn nó làm đề tài luận văn tốt nghiệp nữa thì tự hỏi vấn đề còn gì để mà đề cập tới, còn điều gì mới mẽ nữa để gây được sự chú ý của người đọc.

Nhận biết được khó khăn này nhưng chúng tôi vẫn mạnh dạn chọn đề tài trên. Sau khi được sự khuyến khích của Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng là người hướng dẫn chúng tôi hoàn thành luận văn này và Giáo sư Trần Văn Ngô thuộc Ban báo chí Viện Đại Học Đà Lạt và cũng là chủ bút của cơ quan Việt Tân Xã. Lý do mà quý vị Giáo sư trên đưa ra để khuyến khích chúng tôi là cho dù vấn đề kiểm duyệt báo chí đã được bàn tới nhiều nhưng mỗi người chỉ bàn tới một khía cạnh của vấn đề hoặc là chỉ giới hạn vấn đề trong khoảng một thời gian nào đó mà thôi (Trường hợp hai anh Nguyễn huy Sĩ và Phạm Hồ) nên chúng ta đã không có một cái nhìn toàn diện vấn đề và từ đó đã có những nhận định thiếu sót.

Ngoài ra còn một khó khăn nữa là biện pháp kiểm duyệt, hiện nay đã bị bãi bỏ như vậy nó đã trở nên một sự kiện trong lịch sử của báo chí Việt Nam và do đó còn vấn đề gì đặt ra nữa để thảo luận bây giờ. Khó khăn này cũng đã làm cho chúng tôi lúng túng và gây hoang mang cho chúng tôi trong những lúc đầu của giai đoạn nghiên cứu. Nhưng Giáo Sư Nguyễn Mạnh Hùng lại -

---

(1) V/d K.D.B.C. tại Việt Nam từ 1963 đến nay, -Nguyễn huy Sĩ  
V/d K.D.B.C. trong thời kỳ Tết Mậu Thân - Phạm Hồ.

một lần nữa giúp chúng tôi đánh tan được nỗi hoang mang này bằng lập luận rằng cho dù biện pháp kiểm duyệt hiện nay đang được bãi bỏ nhưng ai dám cá quyết rằng nó không được tái lập bởi lẽ đây không phải là lần đầu tiên biện pháp kiểm báo chí được bãi bỏ mà thật ra nó đã được bãi bỏ rồi tái lập biết bao nhiêu lần kể từ thời Pháp thuộc đến nay. Hơn thế nữa dù cho là chế độ kiểm duyệt báo chí được bãi bỏ vĩnh viễn nhưng thế nào một biện pháp kiểm soát khác cũng được thiết lập dù ngay tại quốc gia tự do và dân chủ nhất là Hoa Kỳ chẳng hạn, tại đó một hình thức "kiểm soát báo chí" (News management) đã được thiết lập. Do đó việc nghiên cứu "vấn đề kiểm duyệt báo chí" không phải là không mang lại ích lợi gì cho sau này.

Khó khăn sau cùng là làm sao có một nhận định để giải quyết vấn đề mà dung hòa được hai đòi hỏi là vừa xây dựng các định chế dân chủ mà đồng thời không gây nguy hại cho quốc gia trong cuộc chiến tranh hiện tại. Văn biết rằng nhu cầu xây dựng nền dân chủ cho quốc gia là một công tác trường kỳ và cần thiết nhưng không vì thế mà lãng quên đòi hỏi cấp bách của quốc gia trong hiện tại là phải chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Đây mới thật sự là vấn đề nan giải, đặt chúng tôi trong cái thế tiến thoái lưỡng nan. Nhưng sau một thời gian thảo luận và suy nghĩ chúng tôi đã đồng ý với giải pháp bãi bỏ biện pháp kiểm duyệt báo chí nhưng đồng thời đề bảo vệ quyền lợi quốc gia, xác định trách nhiệm và quyền lợi của người làm báo cũng như người đọc báo nhà cầm quyền tại Việt Nam phải cấp thời ban hành một qui chế báo chí để giải quyết các đòi hỏi này.

Vấn đề đã khó khăn lại phức tạp như vậy nên một người sinh viên như chúng tôi, chưa bước chân vào làng báo chưa phải chịu đựng những khó khăn do luật lệ báo chí gây ra, chưa được hưởng những phút vui sướng khi báo chí được tự do, thì làm sao chúng tôi tránh được những lỗi lầm hoặc vì thiếu nghiên cứu hoặc vì thiên cặn. Nhưng với tinh thần khách quan và vô tư của một sinh viên còn trong "lòng đại

học " chúng tôi không vì những lý do trên mà không dám mạnh bạo mô xê và nhận định van đề để có thể như là tiếng nói của một người ngoài làng báo nói với những người trong làng báo với một nỗi ước mong là được góp một phần nhỏ vào công tác xây dựng một nền báo chí xứng đáng cho Việt Nam.

Chúng tôi phải trình bày dài dòng như trên là để những mong quý vị Giáo sư, quý vị có thẩm quyền về báo chí cùng các bạn hữu đón nhận tạp luận văn này với tâm lòng rộng rãi tha thứ và đồng thời bỏ tước những thiếu sót và chỉ dẫn những lỗi lầm, thì đó là một han hạnh lớn lao cho chúng tôi.

Sau hết chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn quý vị Giáo Sư, quý Viên chức có thẩm quyền thuộc Nha Thông Tin Báo Chí, cơ quan Việt Tân Xã và Ban Báo Chí Học Viện Đại Học - Đà Lạt, quý vị chủ nhiệm và các ký giả thuộc các báo Việt Ngữ tại Saigon, cùng các bạn hữu đã giúp đỡ chúng tôi tài liệu và cho ý kiến để chúng tôi có thể hoàn tất được luận văn này.

Lời cảm ơn này cũng xin được gửi tới những quý vị mà tuy chúng tôi không được gặp gỡ nhưng được may mắn thông đạt ý kiến của quý vị qua các bài tham luận đăng trên báo chí hoặc các tác phẩm của quý vị đã được an hành và phổ biến...

Hà Vĩnh Yên  
Saigon, Việt Nam  
Tháng 10 năm 1969.

# CHIỀU-HƯỚNG NGHIÊN-CỨU

**D**ựa vào thực trạng báo chí Việt Nam cùng các luật lệ báo chí từ thời Pháp thuộc cho tới nay về vấn đề kiểm duyệt báo chí, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề theo các diễn tiến của nó, cùng các lý do và hậu quả mỗi khi biện pháp được thiết lập. Sau cùng chúng tôi đưa ra một nhận định sao cho báo chí vừa được tự do và hoạt động hữu hiệu, và đồng thời phù hợp với chủ hướng xây dựng một nền dân chủ mà lại không gây nguy hại cho quốc gia trong công cuộc chiến đấu chống Cộng sản xâm lăng.

Với chiều hướng trên chúng tôi chia tập luận văn này ra làm ba chương:

## \* CHƯƠNG DẪN NHẬP. -

Trong chương này chúng tôi trình bày các lý do tại sao chính quyền phải áp dụng các biện pháp kiểm soát báo chí và các hình thức kiểm soát mà chính quyền đã áp dụng, trong đó có biện pháp kiểm duyệt mà chúng tôi chọn làm đề tài nghiên cứu. Phải đưa chương này vào Luận văn là chúng tôi nhằm cho người đọc có cái nhìn chung vào chính sách can thiệp của chính quyền vào báo chí và nhận rõ được vị trí của biện pháp kiểm duyệt báo chí trong các biện pháp kiểm soát báo chí mà chính quyền đã áp dụng.

## \* CHƯƠNG THỨ NHẤT. -

Vấn đề kiểm duyệt báo chí tại Việt Nam đây có thể nói là phần thân của tập luận văn này. Trong chương này chúng tôi sẽ trình bày tất cả các khía cạnh pháp lý và thực



tế của vấn đề, chúng tôi chỉ trình bày một cách khách quan Các dữ kiện như mục đích, luật lệ, tiêu chuẩn, thủ tục của biện pháp kiểm duyệt, cùng các ý kiến của hai giới làm báo và chính quyền, mà không đưa ra một ý kiến cá nhân nào. Chúng tôi cũng không quên đề cập trong chương này các khó khăn mà công tác kiểm duyệt đã gặp phải. Chúng tôi tin rằng với phương thức và tinh thần trình bày như trên, chương này sẽ đem đến cho người đọc tương đối đầy đủ các dữ kiện của vấn đề kiểm duyệt báo chí để có thể phán đoán một cách đúng đắn vấn đề.

## \* CHƯƠNG THỨ HAI. -

Nhận định về vấn đề kiểm duyệt báo chí. Trong chương này chúng tôi sẽ đưa ra ý kiến chủ quan của mình về vấn đề kiểm duyệt báo chí. Chúng tôi quan niệm đây là chương cần thiết nhất của một tập luận văn vì chính các ý kiến của Sinh viên trong chương này biểu lộ được sắc thái của luận văn mà sinh viên đệ trình. Tính cách chủ quan của chương này có thể làm cho người đọc thoáng "khó chịu" nhưng chúng tôi tin rằng những lời làm đó là cần thiết cho một người trẻ muốn nhìn thẳng vào vấn đề nên đáng tha thứ và bỏ chữa.

## \* TRONG PHẦN KẾT LUẬN. -

Chúng tôi xin tóm tắt trong vài trang những ý kiến và những sắc thái đặc biệt của vấn đề để như lời cảm ơn người đọc đã theo dõi đến phần cuối của tập luận văn này.





*Chương Dẫn Nhập*

# TỔNG QUÁT VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT BÁO CHÍ

## I.- LÝ DO CỦA SỰ KIỂM SOÁT.-

### 1.- Tình trạng chậm tiến.-

- \* Về phía dân chúng
- \* Về phía báo chí

### 2.- Tình trạng chiến tranh.-

## II.- CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT.-

### A.- BIỆN PHÁP LUẬT ĐỊNH.-

- \* Thủ tục xin ra báo
- \* Thẻ lệ nạp bản
- \* Quyền truy tố
- \* Quyền cấm bán
- \* Chế độ kiểm duyệt

### B.- BIỆN PHÁP NGOẠI LUẬT ĐỊNH.-

- \* Độc quyền phát hành
- \* Chỉ thị của chánh phủ cho công sở
- \* Chế độ cấp bông giấy
- \* Các biện pháp khác

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

- 1 -

Tổng thống Hoa-Kỳ Jefferson, một người luôn luôn tin tưởng vào vai trò của báo chí trong việc hướng dẫn dư luận đã từng nói : "Vì chính phủ của ta đặt căn bản trên dư luận nhân dân nên mục tiêu đầu tiên của chúng ta là phải giữ sao cho dư luận ấy tiêu biểu được ý muốn thực sự và nếu ở trong trường hợp phải lựa chọn giữa một chính phủ không có báo chí và một nền báo chí không có chính phủ thì tôi sẽ không ngần ngại gì mà chọn điều sau" (1)

Cũng đồng một quan niệm trên, Tổng Thống Woodrow Wilson cũng cho rằng "Qua báo chí, cả một dân tộc đang lưu ý phê bình tất cả những công việc của nhân loại..." (2).

Mặc dầu báo chí đóng một vai tuồng quan trọng như vậy nhưng chính quyền tại các nước dù tự do dân chủ hay độc tài, dù tiến tiến hay chậm tiến đều tìm mọi cách để chi phối báo chí. Như tại Tích Lan tháng 5 năm 1961, chính phủ cử một cơ quan gồm 5 người lo về thông tin báo chí, Ủy ban này có quyền cho phát hành và đặt điều kiện theo từng trường hợp hầu ếp báo chí theo chỉ thị của chính phủ. Tại Nam Dương ngày 8.2.60 Chính phủ cho ban hành một quy chế báo chí lạ lùng, bắt buộc tất cả các báo ủng hộ đường lối của chính phủ trên mọi lãnh vực. Còn tại các nước Bắc Phi như Ai-Cập thì theo đạo luật ngày 24.5.1960 cho phép đảng Liên Hiệp Quốc Gia quyền sở hữu các xí nghiệp tư về báo chí, thông tin. Ông Bộ Trưởng Thông Tin, Báo chí, phát hành điều khiển Ủy Ban báo chí của Đảng này.

Báo chí tại Việt Nam cũng vậy, kể từ khi Việt Nam bị đặt dưới nền thống trị của người Pháp cho đến nay, chính

---

(1) Nguyễn Văn An, Tự do báo chí (Nam Việt 1958)

(2) Sở Thông Tin Hoa-Kỳ, Đại cương về chính phủ Hoa-Kỳ

quyền luôn luôn áp dụng chính sách kiểm soát báo chí, hạn chế quyền tự do ngôn luận... mặc dầu các quyền này đã được ghi trong hiến pháp của hai nền đệ I và đệ II Cộng Hòa.

## I. - LÝ DO CỦA SỰ KIỂM SOÁT. -

Lý do thông thường nhất mà các chính phủ đưa ra để giải thích cho các biện pháp kiểm soát báo chí là Việt Nam còn đang ở trong tình trạng chậm tiến. Chậm tiến ở cả hai phía là quần chúng độc giả và cả báo chí nữa. Ngoài ra tình trạng chiến tranh cũng là một lý do mạnh mẽ nhất để giải thích cho các hành vi kiểm soát báo chí của chính quyền.

Lý do về tình trạng chậm tiến mà chính quyền thường đưa ra nhằm vào hai giới : quần chúng độc giả và báo chí.

Về phía quần chúng độc giả, thì đây cũng là tình trạng chung cho các Quốc gia mới thu hồi độc lập các chính phủ đều tin tưởng rằng muốn xây dựng quốc gia thì cần phải thi hành những biện pháp hướng dân báo chí bởi lẽ quốc gia đang đi trên con đường dân chủ hóa, chính quyền lại chưa vững chắc, chưa đủ mạnh để đối phó với các biến chuyển xã hội, chính trị nghiêm trọng. Hơn thế nữa vừa thoát khỏi ách thống trị, dân chúng chưa quen với lối sinh hoạt dân chủ mà quyền tự do báo chí là một yếu tố quan trọng cộng thêm với khó khăn nữa là trình độ dân chúng còn thấp nên chính quyền đã không ngần ngại khi đưa ra những biện pháp kiểm soát báo chí.

Tại Việt Nam chỉ có khoảng 60% dân chúng biết đọc biết viết (3) cho nên đa số dân chúng chưa ý thức được những lợi hại, những âm mưu của Cộng Sản về phương diện đấu tranh chính trị bằng báo chí. Nếu để báo chí hoàn toàn tự do, tình trạng này sẽ gây nên những hậu quả bất lợi rất lớn lao cho chính quyền và rồi sẽ đưa đến một tình trạng hỗn loạn, khủng hoảng chỉ lợi cho Cộng Sản. Trường hợp điển hình và cụ thể nhất là tại Việt Nam sau cuộc Cách

Mạng 1.11.1963 báo chí được tự do nên đã gây nên một tình trạng hỗn loạn trong làng báo thời bấy giờ ! Ai muốn ra báo cũng được miễn là có tiền, người cầm bút muốn viết gì thì viết bất chấp hậu quả có lợi hay có hại không cần tôn trọng quyền tự do của kẻ khác và những quyền lợi liên hệ đến sự sống còn của Quốc gia dân tộc. Thời kỳ này kéo dài hơn 3 tháng. Nhiều người cho đó chỉ là thời gian khủng hoảng để trưởng thành, nên thời gian sẽ là phương thuốc ổn định tình hình. Chúng ta không thể phủ nhận hoàn toàn tính cách xác đáng của luận cứ trên nhưng chúng ta đều phải công nhận rằng khi trình độ dân trí đã cao, ý niệm tự do dân chủ đã rõ rệt thì dù cho tự do báo chí có bị lạm dụng cũng không đáng lo ngại vì nó sẽ bị quần chúng tiêu diệt. Điển hình là tờ Daily Worker, là tờ báo thiên Cộng tại Mỹ đã phải tự đình bản vì không được sự ủng hộ của quần chúng. Còn tại Pháp tờ Humanité của đảng Cộng Sản mỗi tháng lỗ 27 triệu quan vì độc giả quá ít nên nó cũng không gây được ảnh hưởng gì. (4)

Về phía báo giới thì những người làm báo tại Việt Nam chưa ý thức được trách nhiệm của người cầm bút, không đếm xỉa gì đến lương tâm chức nghiệp. Trên mặt báo, chúng ta thường thấy những bài báo mang tính cách kỳ thị tôn giáo, chia rẽ địa phương gây nên tình trạng chán ghét trong quần chúng. Giáo sư Tôn Thất Thiện một người dấn thân điều khiển ngành Thông Tin tại Việt Nam đã nói với ký giả Willian Tuohy báo Los Angelas Times như sau : "Với 20 hay 30 Mỹ Kim người ta có thể tìm ra được một phóng viên ở Saigon viết báo bêu xấu một người nào đó" (5).

Chính vì tình trạng yếu kém về cả hai phía quần chúng đòi hỏi và báo chí mà chính quyền đã phải áp dụng

---

(3) Nguyễn Ngọc Linh - Đường lối chính sách Thông Tin Báo chí giảng văn ban báo chí học Saigon 1967.

(4) Hồ Anh Chương - Tổ chức một tờ báo hàng ngày, SAIGON 1958.

(5) Đất Mới 13/10/1968 Báo chí trình độ thấp

những biện pháp nhằm ngăn ngừa những hậu quả nguy hại có thể xảy ra.

Những lý do chính và mạnh mẽ nhất để kiểm soát báo chí đó chính là tình trạng chiến tranh đang diễn ra. Trong trường hợp có chiến tranh, báo chí tại nước nào cũng vậy, không nhiều thì ít đều phải chịu sự kiểm soát của chính quyền.

Trường hợp Anh Quốc chẳng hạn, là một Quốc-Gia có truyền thống dân chủ vững vàng nhất thế mà trong thời chiến báo chí vẫn bị kiểm duyệt, quyền tự do báo chí bị hạn chế.

Trở lại tình trạng Việt Nam, Quốc-gia chúng ta đang trong một cuộc chiến tranh mệt mỏi với Cộng-sản. Một cuộc chiến tranh trong đó yếu tố chính trị được khai thác triệt để nhằm tranh giành chính nghĩa mà chính nghĩa này sẽ quyết định một phần lớn chiến thắng cuối cùng. Vì vậy báo chí phải được hướng dẫn trong công cuộc chiến đấu chống Cộng này

Nếu trong giai đoạn này, nếu để báo chí được hoàn toàn tự do thì thế nào Cộng Sản sẽ lợi dụng ngay những định chế dân chủ này của chúng ta để đánh bại chúng ta. Hơn thế nữa, nếu chính quyền không áp dụng các biện pháp kiểm soát báo chí thời thế nào cũng có những nguy hại cho nền an ninh quốc phòng bởi những tin tức mà báo chí loan không đúng lúc. Ngay tại Hoa-Kỳ, tình trạng này cũng đã xảy ra. Sự việc xảy ra vào năm 1963 khi chính phủ Kennedy ủng hộ chương trình giúp đỡ và huấn luyện lực lượng Cách-Mạng Cuba nhằm lật đổ chế độ thân Cộng của Fidel Castro. Nhưng không biết tại sao chương trình này bị tiết lộ vào báo chí Hoa-Kỳ đã đăng tải tất cả những tin tức liên quan đến vấn đề này. Hậu quả là quân Cách Mạng bị lực lượng Fidel Castro đánh tan khi vừa đổ bộ lên Vịnh Con Heo. Sau này người ta mới khám phá ra rằng lực lượng của Fidel Castro thắng là nhờ dựa vào những tin tức đã đăng trên báo chí Hoa-Kỳ.

Trường hợp trên nếu xảy ra tại một quốc gia có chính sách kiểm soát báo chí thì dù tin tức có bị tiết lộ nhưng báo chí không được khai thác và do đó không gây nguy hại cho quốc gia. Như vậy báo chí phải ý thức được nhiệm vụ của mình trong thời chiến. Vì quyền lợi của quốc gia, vì lẽ sống còn của dân tộc nên chính quyền không thể để một lầm lẩn nào có thể xảy ra làm cho quốc gia lâm nguy do đó mà một vài biện pháp kiểm soát báo chí đã phải đặt tất cả chỉ nhằm vào lẽ sống còn của quốc gia.

## II. - CÁC HÌNH THỨC KIỂM SOÁT. -

Chính quyền thường áp dụng nhiều hình thức để kiểm soát báo chí, có những biện pháp được luật lệ minh thị, có những biện pháp ngoại luật định.

### A. - CÁC BIỆN PHÁP LUẬT ĐỊNH. -

Luật lệ của ta về báo chí quá đổi phức tạp và thiếu nhất trí. Nguyên do là sau khi thoát ách Pháp thuộc ta vẫn giữ tất cả pháp chế cũ của thực dân rồi đem vá vấu vào cho phù hợp với nhu cầu nhất thời (6). Tuy nhiên trong các biện pháp kiểm soát báo chí theo luật lệ, ta có thể kể như sau :

#### 1. - Thủ tục ra báo. -

Sự kiểm soát đầu tiên của chính quyền là buộc người muốn xuất bản báo phải có giấy phép. Thủ tục này đã được qui định trong những luật lệ về báo chí từ trước đến nay.

Luật ngày 13.12.1941 buộc phải có giấy phép mới được xuất bản báo chí.

Điều 2 luật số 2/64 ngày 19.2.1964 Các chính đảng quốc gia đã có giấy phép hoạt động của bộ Nội Vụ cấp đều được tự do xuất bản báo chí.-

---

(6) Trần thúc Linh - Góp ý kiến về luật báo chí Việt Nam Báo chí Tập San, Tập hạ 1968.



Còn các công dân khác phải hội đủ một số điều kiện do điều 10 Sắc luật 10/64 ngày 30.4.1964 mới được quyền xuất bản báo sau khi khai báo tại Bộ Thông Tin.

Thủ tục này gây nhiều phiền phức nên đã ngăn cản nhiều người muốn xuất bản báo.

2. - Thế lệ nạp bản. - Thế lệ này được áp dụng tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia khác trên thế giới. Nó chỉ gây trở ngại cho báo chí khi chính quyền không thi hành luật lệ này một cách đúng đắn, mà thôi.

Theo điều 4 Nghị định số 151/BTT/ND ngày 29.6.1959 tất cả các báo chí Việt Ngữ đều phải nạp bản tại Bộ Thông Tin trước khi phát hành.

3. - Quyền tịch thu. - Điều 22 Sắc luật số 10/64 ngày 30.4.1964 qui định. "Trong trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia Bộ Nội Vụ có quyền tự ý hoặc theo lời yêu cầu của Bộ Thông Tin hay Quốc Phòng, ra lệnh tịch thu báo, trước hay trong khi lưu hành..."

Như vậy mặc dầu đã qua sự kiểm duyệt, báo chí đôi khi cũng vẫn bị hành pháp can thiệp để hạn chế tự do báo chí.

4. - Quyền đình bản. - Báo chí Việt Nam hiện nay vẫn có thể bị tạm đình bản theo quyết định của Bộ Thông Tin hay bị đình bản vĩnh viễn do phán quyết của tòa án, nếu "xét ra nguy hại đến nan an ninh quốc gia hay bị Cộng Sản, tay sai thực dân hoặc trung lập thân Cộng lũng đoạn" (Chương IV, Sắc luật 10/64 về qui chế tự do xuất bản).

5. - Quyền truy tố. - Điều 5 và 6 Sắc luật 2/64 qui định việc truy tố báo chí như sau "Báo chí có thể bị truy tố ra trước tòa án về những tội trạng sau đây gây nguy hại cho an ninh quốc gia, phi báng, xúc phạm thuần phong mỹ tục..." Việc truy tố có thể do đơn khiếu nại của tư nhân, nhân viên công quyền đại diện công sở hoặc do thỉnh cầu

của bộ Thông Tin hoặc do khởi tố lệnh trạng của công tố - viện. Có thể dùng thủ tục trực tố do triệu hoán trạng thừa phát lại đưa nội vụ ra trước tòa.

6. - Quyền cấm bán. - Theo luật thì cơ quan hành pháp có quyền cấm bày, cấm bán, cấm phổ biến nếu đó là một biện pháp cần thiết để lập lại trật tự an ninh công cộng.

Tuy nhiên Tham chính Viện luôn luôn nhắc nhở hành pháp phải lưu ý tới các nguyên tắc sau đây.

- Phải có sự đe dọa thật sự nặng nề an - ninh quốc gia.
- Phải hạn chế trong thời gian và không gian.

Mặc dầu Tòa án thường nhắc nhở như vậy nhưng vẫn xảy ra những vi phạm trái với nguyên tắc tự do báo chí.

7. - Chế độ kiểm duyệt. - Điều 2 Nghị định số 275/TTP / TTK quy định "Ngoại trừ các giấy tờ "xã giao thông - thường" các ấn loát phẩm đủ loại như sách báo, tuồng hát ... đều phải đưa kiểm duyệt trước". Đây là một biện pháp thường được ban hành trong tình trạng khẩn trương của quốc gia nhằm mục tiêu bảo đảm trật tự công cộng và an ninh quốc phòng. Tất cả những chi tiết của biện pháp này sẽ được nghiên cứu tường tận ở chương sau.

## B. - CÁC BIỆN PHÁP NGOÀI LUẬT ĐỊNH. -

Đây là những biện pháp mà chính quyền thi hành bằng những quyền lực riêng tư của mình. Nó gồm những biện pháp sau :

1. - Độc quyền phát hành. - Dưới thời chính phủ Ngô - Đình Diệm chỉ có nhà phát hành Thống Nhất của hội Cựu-Chiến Sĩ Việt Nam được độc quyền phát hành báo chí trên toàn quốc. Do sự độc quyền đó mà ngành phát hành báo chí đã gây ra nhiều tệ đoan rất ảnh hưởng tới quyền tự do báo chí.

Với chế độ độc quyền phát hành, báo chí sẽ bị kiểm soát dễ dàng. Chẳng hạn như muốn cho có vẻ tự do chính quyền sẽ mặc cho báo chí muốn viết gì thì viết nhưng đến lúc in xong nếu chính quyền không ưa thì sẽ chỉ thị cho nhà phát hành không phát hành do đó báo sẽ bị giữ trong kho, không tới tay dân chúng nên không gây được một ảnh hưởng gì. Như vậy báo chí không ít thì nhiều cũng bị lệ thuộc vào chính quyền và như vậy quyền tự do báo chí đã bị xâm phạm.

2. - Chỉ thị của chính phủ cho công sở. - Chính phủ sẽ dùng quyền của mình để chỉ thị cho các công sở giúp đỡ - hoặc gây khó khăn cho báo chí như không cho tin, từ chối hoặc làm chậm trễ việc cung cấp phương tiện chuyên chở, thông tin. Biện pháp này đã làm cho báo chí phải lệ thuộc phần lớn vào chính quyền vì báo chí Việt Nam còn trong tình trạng yếu kém về kỹ thuật và phương tiện nên phải trông nhờ vào sự giúp đỡ của chính quyền. Thái độ này của chính quyền đã giới hạn rất nhiều quyền tự do báo chí và làm cản bước tiến của làng báo nước nhà.

3. - Chế độ cấp bông giấy. - Khi đưa ra biện pháp này chính quyền lập luận rằng họ muốn giúp dân chúng được mua báo rẻ thật ra là chính quyền muốn kiểm soát báo chí.

Thông thường Nhà Thông Tin Báo Chí chỉ cấp 80 Rames giấy cho nhật báo 8 trang và 40 rames cho nhật báo 4 trang với giá 220\$ một rame trong khi giá thị trường là 470\$ một rame. Chính quyền để thưởng các báo đi đúng đường lối, chính quyền còn cấp một bông giấy đặc biệt là 200 rames. Ngược lại để đối phó với những báo ngoan cố, chính quyền sẽ áp dụng một biện pháp cảnh cáo "cúp" giấy theo từng giai đoạn: trước hết là cúp 1/4 rồi 1/2 và sau cùng "cúp" hết.

Nhờ chế độ cấp bông giấy chính quyền có thể điều động, kiểm soát các báo một cách dễ dàng. Báo nào muốn mua giấy với giá rẻ thì đương nhiên phải "đề báo" nghĩa là chính quyền báo sao làm vậy, do đó những báo này dân

dần trở thành công cụ của chính quyền. Một số báo không đứng đắn đã lợi dụng chế độ cấp bông giấy để kiếm tiền bằng cách được mua giấy với giá rẻ, chỉ in ít báo và giấy còn dư đem bán chợ đen. Cũng vì vậy mà chính quyền đã nắm được một số báo sống nhờ "bông" giấy để yểm trợ những chiến dịch của chính quyền. Như vậy với biện pháp cấp "bông" giấy chính quyền đã xâm phạm và kìm hãm tự do báo chí. Thêm vào đó chính quyền đã vô tình ngăn chặn đà tiến bộ của một số báo đứng đắn đang muốn vươn lên tình trạng "đại nhật báo".

4. - Các biện pháp khác. - Những biện pháp này khó có thể dẫn chứng nhưng thường xảy ra và được những người trong báo giới biết đến.

Chẳng hạn chính quyền dùng điện thoại để nhắc nhở tờ báo là "nên" đăng tin này hay "không nên" đăng tin kia. Báo nào nghe theo thời tốt, còn báo nào ngoan cố thời sẽ phải lãnh những hậu quả mà chúng ta đều có thể đoán được.

Ngoài ra chính quyền có thể dùng tiền để mua chuộc phóng viên, chủ nhiệm báo dưới những hình thức trao đổi trắng trợn. Thí dụ như chính quyền "nhờ" phóng viên, ký giả viết báo theo tiêu chuẩn đã định sẵn để đăng lên báo. Bài viết xong, người viết sẽ được "thưởng" một số tiền là bao nhiêu đó tùy theo sự thỏa thuận giữa người viết và kẻ hữu trách. Chủ nhiệm báo khi cho phép đăng những bài báo trên lên báo mình thời cũng được "trả công" bằng một số tiền hay những lợi lộc nào đó.

Còn rất nhiều biện pháp khác mà chúng ta những người ngoài cuộc không thể biết hết được hoặc chỉ biết mù mờ nên không thể trình bày ra đây.

Tóm lại với các biện pháp kiểm soát báo chí nêu trên, chúng ta thấy rằng tự do báo chí đã bị giới hạn rất nhiều và chúng còn kìm giữ làng báo Việt Nam trong tình trạng chậm tiến đáng chê trách nếu đem so sánh với các nước láng giềng khác như Đại Hàn, Tân Gia-Ba, Mã Lai Nhật Bản...

Qua phần trên chúng tôi đã nghiên cứu tổng quát về các biện pháp kiểm soát báo chí. Trong chương tiếp theo chúng tôi sẽ đề cập tới chế độ kiểm duyệt báo chí là một biện pháp quan trọng nhất và hữu hiệu nhất trong các biện pháp kiểm soát báo chí. Trong chương này chúng tôi sẽ nói về mục đích, diễn trình cùng luật lệ của chế độ kiểm duyệt. Ngoài ra chúng tôi cũng xin đề cập tới các khó khăn mà công tác kiểm duyệt thường gặp phải trong thực tế.





## *Chương Một*

# CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT BÁO CHÍ TẠI VIỆT NAM

### TIẾT I. - VẤN ĐỀ KIỂM DUYỆT. -

#### MỤC I. - MỤC TIÊU ĐIỂN TRÌNH CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT. -

##### A. - MỤC TIÊU CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT

- \* Bảo đảm an ninh công cộng
- \* Bảo đảm an ninh quốc phòng

##### B. - ĐIỂN TRÌNH CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT. -

- \* Thời Pháp thuộc : Thiết lập chế độ kiểm duyệt
- \* Thời đấu tranh giành độc lập : không có kiểm duyệt
- \* Thời Bảo Đại : Tái lập kiểm duyệt
- \* Thời đệ nhất cộng hòa.
  - Giai đoạn bãi bỏ : 1956
  - Giai đoạn tái lập : 1963
- \* Sau Cách Mạng 1.11.1963
- \* Thời đệ II Cộng Hòa
  - Giai đoạn bãi bỏ 1967
  - Giai đoạn tái lập : Sau tết Mậu Thân
  - Giai đoạn bãi bỏ 1.5.1968

#### MỤC II. - LUẬT LỆ KIỂM DUYỆT. -

##### A. - TRÌNH BÀY CÁC LUẬT LỆ VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KIỂM DUYỆT. -

- \* Tiêu chuẩn chính trị
  - Không làm lợi cho tuyên truyền Cộng Sản
  - Không làm phương hại đến tình đoàn kết quốc gia hoặc sự liên minh giữa Việt Nam và đồng minh.
- \* Tiêu chuẩn an ninh quốc phòng

- không tiết lộ bí mật quốc phòng
- không loan tin bình luận, đặt tít có tính cách phương hại đến an ninh quốc gia.

\* Tiêu chuẩn trật tự công cộng

- không xúc phạm thuần phong mỹ tục
- không xuyên tạc, đả kích cá nhân bừa bãi và mượn hình thức phê bình để bôi nhọ nhân viên hay cơ quan công quyền.

B. - Ý KIẾN CHUNG QUANH CÁC TIÊU CHUẨN KIỂM DUYỆT. -

- \* Báo chí. - cơ quan kiểm duyệt đã đi quá sang lãnh vực tư pháp khi kiểm duyệt các bài phỉ báng cá nhân
  - Tiêu chuẩn phỉ báng cá nhân không thuộc mục đích của biện pháp kiểm duyệt
- \* Chính quyền. - Tiêu chuẩn an ninh công cộng phải được hiểu một cách rộng rãi.
  - Chính quyền phải can thiệp trong một phạm vi rộng để tránh xúc động và gây thiệt hại vật chất cho toà báo.
- \* Báo chí. - Báo chí có còn trách nhiệm đối với các bài đã kiểm duyệt không ?
- \* Chính quyền. - Báo chí vẫn còn chịu trách nhiệm

C. - CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM VÀ CÁC CHẾ TÀI. -

- \* Các trường hợp vi phạm
  - không đệ trình án phẩm để kiểm duyệt trước
  - khai thác trái với quyết định của Ủy Ban Kiểm-Duyệt.
- \* Các chế tài. -



- Tịch thu theo thể thức hành chánh các ấn phẩm vi phạm các luật lệ
- Đình bản có thời hạn
- Đình bản vĩnh viễn.

## TIẾT II. - CÔNG TÁC KIỂM DUYỆT VÀ CÁC KHÓ KHĂN. -

### MỤC I. - THỦ TỤC VÀ PHƯƠNG THỨC KIỂM DUYỆT. -

#### A. - THỦ TỤC XIN KIỂM DUYỆT. -

- \* Đối với các nhật báo xuất bản tại Saigon.
- \* Đối với các nhật báo xuất bản tại địa phương
- \* Đối với các tạp chí định kỳ

#### B. - PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC. -

### MỤC II. - CÁC KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC KIỂM DUYỆT

#### A. - KHÓ KHĂN VỀ NHÂN VIÊN. -

Nhân viên thiếu khả năng về văn hóa, ý thức chính trị, óc nhận xét.

#### B. - KHÓ KHĂN VỀ ĐIỀU HÀNH. -

- \* Tin tức cung cấp thiếu sót và chậm trễ
- \* Thời gian kiểm duyệt hạn hẹp
- \* Khó giải thích và áp dụng các tiêu chuẩn kiểm duyệt.

#### C. - CÁC KHÓ KHĂN KHÁC. -

- \* Sự kiện tế nhị
- \* Phải kiểm duyệt theo cảm tình cá nhân
- \* Vấn đề lương tâm của người công dân nước tự do và trách nhiệm của viên chức thừa hành.

## TIẾT I

# VẤN-ĐỀ KIỂM-DUYỆT

Báo chí Việt Nam đã trải qua rất nhiều thời kỳ bị đặt dưới chế độ kiểm duyệt và chính vấn đề kiểm duyệt cũng gây sôi nổi rất nhiều trong giới làm báo cũng như quần chúng độc giả. Có dư luận chê bai đã kích thì cũng có dư luận tán thành. Ngày nay chế độ kiểm duyệt đã bị bãi bỏ - cho nên công việc sau đây của chúng tôi chỉ có tính cách khảo cứu một vấn đề đã đi vào quá khứ nhưng người ta vẫn nhìn thấy nhìn thấy nhiều hứa hẹn rằng nó sẽ trở lại với làng báo Việt Nam nếu không có một giải pháp để giải quyết dứt khoát vấn đề.

### MỤC I. - MỤC TIÊU VÀ DIỄN TRÌNH CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT. -

#### A. - MỤC TIÊU CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT. -

Kiểm duyệt là một biện pháp đặc biệt ban hành - trong tình trạng khan trương của quốc gia (7). Nó nhằm mục đích bảo đảm an ninh công cộng và an ninh quốc phòng.

Trong một quốc gia đang lâm vào tình trạng khan trương thì chỉ một bản tin, một bài bình luận có thể làm cho tình hình khan trương thêm và có thể đưa tới sự sụp đổ một chế độ. Bản tin hay bài bình luận chứa đựng một ý - hướng xúi dục, kích động một ý hướng xúi dục, kích động một tập thể quần chúng đang hăng say thì cũng như tia lửa điện bật trong thùng chứa chất nổ. Nhà cầm quyền khi ban hành biện pháp kiểm duyệt là họ đã nghĩ tới những hậu quả không thể lường được của các hành vi nói trên. Với ý hướng nhận định như vậy thì kiểm duyệt không thể là một biện pháp

---

(7) Nguyễn Văn Noãn : Kiểm duyệt báo chí tại Việt Nam Báo-chí Tập San Tập hạ 1968.

nhằm che dấu sự thật, che dấu lỗi lầm, che dấu thất bại mà nó chỉ là một biện pháp cần thiết để bảo vệ hữu hiệu trước các âm mưu đen tối của những người nắm được cơ quan ngôn luận trong tay.

Trong một phạm vi nhỏ hơn và cần thiết hơn mà biện pháp kiểm duyệt có mục đích bảo vệ đó là an ninh quốc phòng. Những tin tức về các hoạt động của quân đội, về các kế hoạch quốc phòng không thể được tự do khai thác nhất là khi quốc gia đang ở trong tình trạng chiến tranh. Chúng ta phải biết rằng chỉ vì một bản tin ngắn mà bí mật quốc phòng bị tiết lộ và để rồi đưa quốc gia tới chỗ thất trận mà còn biết bao chiến sĩ bị hy sinh. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc phòng trong thời chiến phải được tôn trọng triệt để do đó biện pháp kiểm duyệt trong phạm vi này phải được áp dụng một cách chặt chẽ vì đó là một trong những biện pháp tất yếu để bảo vệ bí mật quốc phòng.

#### B. - DIỄN TRÌNH CỦA CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT. -

Báo chí Việt Nam đã được khai sinh gần như cùng một lúc với sự thiết lập nền đô hộ của Pháp tại Việt Nam. Một trăm năm vừa qua, cùng với những biến chuyển chính trị, báo chí Việt Nam đã trải qua nhiều chế độ kiểm duyệt

Vào thời kỳ Pháp thuộc, khi thế chiến thứ hai bùng nổ, nhà cầm quyền Pháp tại Đông Dương một mặt phải đương đầu với các lực lượng hùng mạnh của Nhật Bản lúc đó đang mở rộng phạm vi hoạt động trong vùng Đông Nam Á, mặt khác phải đối phó với các luồng dư luận của dân tộc Việt Nam đang muốn thoát khỏi xiềng xích nô lệ. Do đó chính quyền Pháp thời bấy giờ mới thiết lập chế độ kiểm duyệt bằng sắc luật ngày 24.8.1939 ấn định qui chế kiểm soát báo chí và các ấn loát phẩm khác. Sắc lệnh này được ban hành tại Đông Dương ngày 2.9.1939.

Tiếp theo là sắc luật ngày 27.8.1939 ban hành ngày 29.8.1939 ấn định thể lệ kiểm soát trước khi phổ biến các

án loát phạm, các chương trình phát thanh và phim chiếu bóng. Các án loát phạm nào không trình cơ quan Thông Tin kiểm soát trước sẽ không được phổ biến hay tàng trữ.

Như vậy dưới thời Pháp thuộc, báo chí Việt Ngữ đã bị kiểm soát bằng biện pháp kiểm duyệt.

Đến khi Pháp thất trận tại Đông Dương thì chính quyền rơi vào tay người Nhật. Chính sách của Nhật áp dụng trong những năm này lại còn khắc nghiệt hơn thời Pháp thuộc do đó báo chí lại càng bị bóp nghẹt hơn, chế độ kiểm duyệt lại càng khắt khe hơn.

Vào năm 1945, quân đội Nhật thất trận và Việt Minh thừa cơ hội nắm lấy chính quyền. Trong giai đoạn này, luật lệ báo chí kẻ như không có cho nên biện pháp kiểm duyệt cũng không hiện diện. Báo chí tự do xuất bản và tự do phát hành. Phe Cộng sản và phe quốc gia chống nhau kịch liệt. Các báo của tư nhân cũng như đoàn thể đều rút vào bụng. Tờ nào có thể hoạt động thì tiếp tục trong hoàn cảnh eo hẹp, tờ nào không đủ phương tiện thời tự ý đình bản.

Như chúng ta đã biết khi quân Nhật đầu hàng thời quân đội Pháp theo chân quân đội Anh đổ bộ lên miền Nam và cũng từ đó Pháp bắt đầu lập lại chế độ bảo hộ của họ. Pháp thiết lập các cơ quan hành chánh và giao cho người Việt Nam điều hành. Một quốc gia Việt Nam được thành hình dưới sự lãnh đạo của Ông Bảo Đại. Luật lệ báo chí thời Pháp thuộc đều được áp dụng trở lại.

Dưới thời Bảo Đại, các chính phủ đã áp dụng 2 Sắc luật ngày 24.8.1939 và 27.1.1939. Để thi hành sắc lệnh này hai nghị định số 81/SG ngày 19.5.1950 và nghị định bổ túc số 31/CAP/Prés ngày 6.9.1950 ấn định thể lệ kiểm

**THƯ-VIỆT QUỐC-GIA**

- 17 -

duyệt. Sau đó Thủ Tướng Bửu Lộc ban hành nghị định số 275/PTT/TTK ngày 5.4.1954 hủy bỏ hai nghị định trên và đến nay nghị định 275/PTT/TTK được coi là nghị định căn bản liên quan đến thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm nói chung và báo chí nói riêng.

Đến năm 1954 khi Pháp rút ra khỏi Việt Nam và chính quyền do Ông Ngô Đình Diệm điều khiển, có ban hành một Hiến Pháp trong đó có điều 16 qui định quyền tự do ngôn luận. Một điểm đáng ghi là ngày 19.2.1956 Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã ký sắc lệnh số 23/TTP đình chỉ việc thi hành kiểm duyệt báo chí Việt Ngữ Xuất bản tại Việt Nam. Nhưng tới tháng 5 năm 1963 khi vụ khủng hoảng Phật Giáo xảy ra và tiếp theo là vụ tấn công chùa Xá-Lợi ngày 20 tháng 8 năm 1963 chính quyền Ngô Đình Diệm lại tái lập chế độ kiểm duyệt báo chí. Nhiệm vụ kiểm duyệt báo chí lan này được trao cho một cơ quan quân sự là Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng. Thời kỳ này kéo dài cho tới ngày 1.11.1963 khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ bằng một cuộc đảo chính quân sự.

Kể từ sau ngày 1.11.1963 biện pháp kiểm duyệt - được bãi bỏ cho tới ngày 7.8.1964 khi Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng ban hành tình trạng khan trương. Thủ Tướng Nguyễn Khánh lúc bấy giờ ban hành sắc luật số 15/69 ngày 7.8.1964 ấn định các biện pháp được áp dụng để đáp ứng tình trạng khan trương, trong đó có biện pháp kiểm duyệt tin tức báo chí.

Tiếp theo sau thất bại của Tướng Nguyễn - Khánh trong cố gắng đưa mình lên chức vụ Chủ Tịch nhà nước và Hiến chương Vũng Tàu bị xé bỏ Tướng Nguyễn Khánh bị loại ra khỏi chính quyền. Báo chí trong giai đoạn này được hoàn toàn tự do. Nhưng sau đó Thủ Tướng Trần Văn Hương đã phải tái lập kiểm duyệt để đối phó với tình trạng

THI VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 1069

khẩn trương do cuộc chống đối của Phật Giáo Thống Nhất. Trong thời kỳ này nhiệm vụ kiểm duyệt lại được trao cho một cơ quan quân sự là Tòa Tổng Trấn Saigon.

Biện pháp kiểm duyệt được áp dụng cho tới gần ngày bầu cử Tổng Thống và Thượng Nghị Viện của nền đệ - nhị Cộng Hòa. Ngày 20.7.1967 Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ban hành luật số 027/67 đình chỉ biện pháp kiểm duyệt.

Việc bãi bỏ biện pháp kiểm duyệt vẫn được tiếp tục cho tới tết Mậu Thân khi xảy ra cuộc tan công của Việt Cộng vào Đô Thành và một số thị xã. Chế độ kiểm duyệt báo chí được áp dụng trở lại.

Ngày 1.5.1968 khi tình hình đã được văn hồi Chính phủ Trần văn Hương tuyên bố bãi bỏ kiểm duyệt báo chí - đúng theo tinh thần điều 12 Hiến Pháp. Đó là tình trạng hiện nay.

Xuyên qua các giai đoạn được khảo sát ở trên, chúng ta thấy báo chí Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ. Khi thì bị đặt dưới chế độ kiểm duyệt, khi thì được tự do. Mỗi thời kỳ thường kéo dài hàng tháng, có khi - hàng năm. Có thể nói làng báo Việt Nam đã chịu cái ách của "bà" kiểm duyệt nhiều hơn bất cứ làng báo nào khác trên thế giới.

## MỤC II. - LUẬT LỆ KIỂM DUYỆT. -

### A. - TRÌNH BÀY CÁC LUẬT LỆ VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KIỂM DUYỆT

Những luật lệ về báo chí và các ấn phẩm xuất bản định kỳ tại Việt Nam hiện nay rất phức tạp, hiện các luật lệ cũ từ thời Pháp Thuộc tới nay vẫn được áp dụng, chỉ hủy bỏ hoặc bổ túc thêm một vài điều khoản cho phù hợp

với tình trạng chính trị và an ninh của quốc gia. Những luật lệ này gồm các sắc luật đầu tiên về tự do báo chí ban hành ngày 29.7.1881 cho đến sắc luật mới nhất số 27/67 ban hành ngày 20/7/1967 về việc qui định chế độ kiểm duyệt. Nhưng văn kiện căn bản liên quan đến thể lệ kiểm duyệt là nghị định số 275/PTT/TTK do Thủ Tướng Bửu Lộc ban hành ngày 5.4.1954. Điều 2 nghị định này qui định "Ngoại trừ các giấy tờ xã giao thông thường các ấn loát phạm đủ loại như sách, báo tuồng hát v.v... đều phải đưa kiểm duyệt trước".

Dựa vào các luật lệ trên, bộ Thông Tin đã đưa ra một số tiêu chuẩn để kiểm duyệt. Các tiêu chuẩn này không được qui định một cách bất di bất dịch mà nó thay đổi tùy theo tình hình an ninh và quan điểm chính trị của nhà cầm quyền. Nhưng có một số tiêu chuẩn tổng quát mà cơ quan kiểm duyệt dưới bất cứ chính phủ nào từ khi thiết lập nền đệ I Cộng Hòa đến nay đều phải tôn trọng vì nó nằm trong chủ nghĩa quốc gia và đường lối đối nội cũng như đối ngoại của chính phủ quốc gia đang trong cuộc đấu tranh với kẻ thù xâm lăng là Cộng-Sản. Ta có thể ghi các tiêu chuẩn đó như sau :

1. - Tiêu chuẩn chính trị. -

a. - Không làm lợi cho tuyên truyền Cộng Sản. -

Tránh các trường hợp

\* Loan tin, bình luận, đặt tít các tác phẩm văn nghệ phụ họa cho các chính sách, chủ trương của Cộng sản như căm thù và chia rẽ giai cấp giàu nghèo, đã phá chiến tranh theo lối Cộng sản (đổ lỗi cho Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa gây chiến tranh và muốn kéo dài chiến tranh), mô tả những cảnh tàn phá, chết chóc của chiến tranh mà không kêu gọi tinh thần chống Cộng nghĩa là

gián tiếp reo rắc tinh thần phản chiến, chủ bại.

\* Trình bày cuộc gây hấn của Việt Cộng ở miền Nam như một cuộc nổi dậy của dân chúng.

\* Trình bày sự có mặt của Quân Đội đồng minh như những đạo quân xâm lược. Dựa vào một vài hành động-xấu, vụn vặt của binh sĩ đồng minh để mô tả sự có mặt của họ như là nguyên nhân các tệ đoan xã hội.

\* Đề cao uy tín cá nhân của các lãnh tụ Cộng Sản (thành tích đấu tranh, tài lãnh đạo, tài quân sự).

\* Quan trọng hóa các thắng lợi quân sự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trên các chiến trường.

\* Đăng tải nguyên văn các tài liệu tuyên truyền của Hà-Nội hoặc của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà không kèm theo lời giải thích để hướng dẫn nhận định của độc giả.

\* Vô cố đăng hình các lãnh tụ Cộng Sản hoặc các hình ảnh nói lên khía cạnh tốt đẹp của sinh hoạt các nước Cộng sản.

b. - Không làm phương hại đến tinh thần đoàn kết Quốc Gia hoặc đến sự liên minh giữa Việt Nam và các đồng minh ngõ hầu bảo đảm tiềm lực chống Cộng của dân tộc.

Tránh các trường hợp.

\* Loan tin hoặc viết bài gây hiềm khích giữa Thiên chúa Giáo và Phật Giáo, giữa người Nam và người Bắc, người Trung đang sống ở miền Nam Tự Do, giữa người Kinh và người Thượng.

\* Nhắc nhở những vụ tranh chấp địa phương từ



xa kia cốt tạo sự hiềm khích, sự xung đột giữa đồng bào Nam, Bắc, Trung.

\* Phóng đại những vụ xích mích cá nhân thành những vụ xung đột tôn giáo, xung đột địa phương.

\* Phóng đại một vài vụ tranh chấp quyền lợi giữa người Việt với quân nhân Mỹ, Đại Hàn v.v... cốt để khai thác tinh thần bài ngoại nhằm chống sự cố mật của quân đội Đồng Minh tại Việt Nam.

\* Dùng những danh từ khinh miệt đối với các quân nhân, viên chức các nước Đồng minh đang giúp đỡ Việt Nam Chống Cộng .

## 2.- Tiêu chuẩn an ninh quốc phòng. -

\* Không tiết lộ bí mật quốc phòng và ngoại giao.

Tránh các trường hợp :

\* Tiết lộ các cuộc hành quân sắp đến của quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

\* Tiết lộ danh tánh các Sĩ quan chỉ huy, tên và số các đơn vị, quân số, nơi đóng trú của những đơn vị ta và bạn.

\* Loan báo trước những vụ thiết lập các căn cứ quân sự mới của Đồng Minh hoặc loan báo trước những vụ tăng quân số của Đồng Minh nhất là Hoa Kỳ.

\* Loan báo những tin tức về thuyên chuyển, bổ nhiệm các Tư Lệnh Quân Sự không phải do Bộ Quốc Phòng - chính thức công bố.

\* Tiết lộ các cuộc vận động, thương thuyết về một thoả ước ngoại giao.

b. - Không loan tin, bình luận, đặt "tít" có tính các phương hại đến an ninh quốc gia.

Tránh các trường hợp.

\* Phóng đại tin tức, đặt "tít" giật gân để khai thác những vụ biểu tình, bãi khóa, bãi thị chống chính phủ.

\* Phóng đại và gán ghép ý nghĩa chánh trị cho những vụ đình công của thợ thuyền trong các xí nghiệp.

\* Loan tin phóng đại, thất thiệt có tính cách khích động quần chúng trong một tình thế căng thẳng để gián tiếp xúi dục bạo động.

\* Phóng đại các hoạt động của Quân Đội Công-Sản hoặc tổ chức khủng bố Cộng sản để gieo rắc tâm trạng kinh hoàng trong dân chúng.

\* Phổ biến các tài liệu bất hợp pháp của các tổ chức chống chính phủ.

\* Đăng hình ảnh, loan tin về các hoạt động của các phần tử cổ tiếng là chống chính phủ.

### 3. - Tiêu chuẩn trật tự công cộng

a. - Không xúc phạm thuần phong mỹ tục

Tránh các trường hợp.-

\* Đăng hình phụ nữ khóa thân

\* Mô tả những cảnh ái ân của nam nữ

\* Khai thác những câu chuyện tình phi luân

b. - Không xuyên tạc, đả kích bừa bãi.

### Tránh trường hợp

\* Dùng hình thức nói bóng để bôi nhọ, điều cợt đời tư của người khác (trong những bài phóng sự thời đại)

\* Đăng tải những thơ nạo danh, mạo danh nhằm tố cáo, khiêu nại các cơ quan hoặc nhân viên công quyền.

\* \* Loạn tin hoặc viết bài liên quan đến hoạt động của chính phủ căn cứ theo những tin đồn, những tài liệu không rõ xuất xứ, những lời thuật lại của những người không có trách nhiệm.

\* Đã kích chính sách, chủ trương của chính quyền mà không nêu rõ khuyết điểm cụ thể và phương sách bổ khuyết.

\* Cắt xén lời văn trong các bài tuyên bố, tuyên cáo, hiệu triệu chính thức để làm sai lạc hoặc phản lại ý nghĩa thực.

### B. - Ý KIẾN CHUNG QUANH CÁC TIÊU CHUẨN KIỂM DUYỆT. -

Với các tiêu chuẩn kiểm duyệt trên, một số nhà báo đã cho rằng cơ quan kiểm duyệt đã vượt quá mục đích của kiểm duyệt là đối phó với một tình trạng khẩn trương khi mà an ninh quốc gia và trật tự công cộng phải được bảo vệ một cách tuyệt đối. Vì lẽ đó tiêu chuẩn kiểm duyệt những bài phi báng cá nhân, xúc phạm thuần phong mỹ tục v.v... đã đi quá sang lãnh vực của cơ quan tư pháp và nó còn điếm sai lầm nữa là những bài báo phi báng cá nhân, có võ đối truy đầu "nặng" tới đâu cũng không có ảnh hưởng gì đến an ninh quốc gia và trật tự công cộng là hai mục đích của biện pháp kiểm duyệt.

Đứng trước các lời chỉ trích trên của báo chí, cơ quan kiểm duyệt đã biện minh bằng luận cứ sau : Tiêu chuẩn

an ninh quốc gia và trật tự công cộng phải được hiểu một cách rộng rãi hơn. Không những chỉ có những bài báo hô hào nổi loạn mới là đe dọa trật tự công cộng mà thật ra cả những bài báo đã kích cá nhân, xúc phạm đạo lý, gây chia rẽ nội bộ quốc gia... nếu đi tới mức độ nặng cũng có thể gián tiếp tạo ra mầm mống của sự rối loạn xã hội trong thời chiến vì vậy cơ quan kiểm duyệt thấy có bổn phận phải ngăn ngừa trước những hậu quả vô cùng tai hại mà không ai có thể lường trước được. Ngoài ra khi đưa một tờ báo ra tòa vì các tội nêu trên để rồi đưa đến biện pháp trừng phạt c hiệu theo luật lệ hiện hành thì không những gây thiệt hại vật chất nặng nề cho tờ báo mà còn gây sự xúc động trong dư luận tạo nên sự bất lợi cho cả chế độ nhất là khi quốc gia đang ở trong tình trạng khẩn trương. Vì lẽ đó cơ quan kiểm duyệt tự thấy phải can thiệp trong một phạm vi rộng rãi để ngăn ngừa báo chí phạm pháp.

Hai luận cứ trên của cơ quan kiểm duyệt đưa ra để giải thích các tiêu chuẩn của mình lại nêu ra một vấn đề khác, đó là vấn đề trách nhiệm của báo chí dưới chế độ kiểm duyệt. Vấn đề được đặt ra là báo chí có còn trách nhiệm gì đối với các bài vở, tin tức mà mình phổ biến sau khi đã được kiểm duyệt. Một khi mà chính quyền đã nhận lấy trách nhiệm ngăn ngừa báo chí phạm pháp để bảo vệ an ninh trật tự công cộng thì báo chí còn gì để mà chịu trách nhiệm về các bài báo của mình. Vấn đề được nêu trên không phải chỉ hoàn toàn có tính cách lý thuyết bởi lẽ trong thời gian qua, chính quyền đã trừng phạt nhiều tờ báo mà lý do trừng phạt được nêu ra lại nhằm vào nội dung các bài báo đã được kiểm duyệt rồi chứ không do sự vi phạm thể lệ kiểm duyệt. Câu hỏi được nêu lên là khi cơ quan kiểm duyệt đã thông qua thì không lý do gì tờ báo còn chịu trách nhiệm trừ khi tờ báo không chịu tuân theo quyết định của Ủy Ban Kiểm Duyệt.

Để trả lời câu chất vấn này, chính quyền thường đưa ra những luận cứ như sau :

- Cơ quan kiểm duyệt không có trách nhiệm phối kiểm tính chất xác thực của tin tức đăng trên báo. Tờ báo loan tin thất thiệt vẫn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mặc dầu bản tin đã được Ủy Ban Kiểm Duyệt thông qua.

- Cơ quan kiểm duyệt có trách nhiệm phòng ngừa nhưng chỉ có thể phòng ngừa hậu quả tức khắc chứ không thể tiên liệu hậu quả xa xôi. Một bản tin đăng trên báo trong ngày hôm đó không có tác dụng nguy hại gì nhưng rất có thể vài ngày sau đó tác dụng nguy hại mới phát sinh do một vài yếu tố mới nào đó.

Cho đến nay các lời giải đáp trên đây của chính quyền vẫn chưa giải thích được vấn đề nêu ra một cách thoả đáng, nó vẫn còn chứng tỏ một sự lúng túng của chính quyền trong việc thi hành biện pháp kiểm duyệt.

### C. - CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM LUẬT LỆ VÀ CÁC CHẾ TÀI. -

Như thế nào thì tờ báo bị coi là vi phạm thể lệ kiểm duyệt ? Vấn đề này tuy không được sắc lệnh ngày 24.8.1939 và 27.8.1939 đề cập tới nhưng nó đã được minh định rõ ràng trong nghị định số 275/PTT/TTK.

Dựa theo điều 6 nghị định 275/PTT/TTK/ thì có hai trường hợp được coi là vi phạm thể lệ kiểm duyệt.

- \* Không đệ trình ấn phẩm để kiểm duyệt trước.
- \* Khai thác trái với quyết định của Ủy Ban Kiểm Duyệt.

Như vậy một tờ báo không đưa trình kiểm duyệt là phạm pháp. Nhưng nếu có đưa trình kiểm duyệt mà lại in các bài khác hay in cả những đoạn, những câu bị bỏ thời cũng là vi phạm luật lệ về kiểm duyệt.

Điều 2 nghị định 275 qui định rằng "Phải được nhà xuất bản đưa trình bản thảo..." như vậy tờ báo phải đưa trình các bản thảo từng tin, từng bài tới để kiểm duyệt trước khi sắp chữ. Nhưng trong thực tế thời tờ báo cho xếp chữ tất cả các trang rồi đem bản vẽ trình Ủy Ban Kiểm duyệt. Sau khi kiểm duyệt xong, tòa báo liền cho đục bỏ những đoạn bị kiểm duyệt trên khuôn chữ đúc rồi cho in. Vì tình trạng này nên khi báo xuất bản có những khoảng <sup>trong</sup> mà theo đúng tinh thần nghị định số 275/PTT/TTK thì cơ quan kiểm duyệt có quyền không chấp nhận và như vậy tức là tòa báo đã vi phạm luật lệ kiểm duyệt. Do đó tờ báo lúc nào cũng có thể dặt vào trong tình trạng phạm pháp và cơ quan kiểm duyệt lúc nào cũng có quyền áp dụng các hình phạt chiếu theo luật lệ về kiểm duyệt như vậy những tờ báo đối lập không thể nào xuất bản được lâu dài nếu không có sự đồng ý mặc thị của chính quyền.

Trong thực tế có một trường hợp có thể xảy ra mà luật lệ không qui định đó là khi tờ báo tự ý không đăng một bài hay một đoạn bài mà cơ quan kiểm duyệt đã chấp thuận thì có thể coi là vi phạm không. Trường hợp này vì luật lệ không qui định nên cũng khó mà kết tội tờ báo nhưng nó có thể đưa đến nhiều hậu quả nguy hại vì một bản tin đầy đủ có một tác dụng tốt đẹp thì đôi khi một bản tin thiếu một vài chi tiết lại đem tới những kết quả rất bất lợi. Đây cũng là một thiếu sót của luật lệ báo chí hiện hành mà chúng ta phải ghi nhận để mong rằng nó sẽ được bổ khuyết trong những luật lệ ban hành sau này.

Khi một tờ báo vi phạm các trường hợp nêu trên thì nó sẽ bị một trong các chế tài như sau (điều 6 và điều 7 Nghị định 275/PTT/TTK).

1.- Tịch thu theo thể thức hành chánh các ấn phẩm vi phạm luật lệ.

2.- Đình bản có thời hạn.

\* Nếu theo quyết định của chính quyền địa phương.

- Nhật báo không quá 15 ngày
- Tạp chí không quá 2 tháng

\* Nếu theo quyết định của bộ Thông Tin

- Nhật báo từ 15 ngày trở lên
- Tạp chí từ 2 tháng trở lên

3.- Đình bản vĩnh viễn các loại báo chí.-

Ngoài ra Bộ Nội Vụ có quyền đóng cửa tạm thời từ 15 ngày đến 3 tháng nhà in, nhà xuất bản, nhà phát hành hay nhà hàng bán. Hơn thế nữa nếu nội dung các bài báo đó còn vi phạm điều luật về báo chí hay các điều luật về an ninh quốc phòng khác thì tờ báo còn có thể bị truy tố ra tòa để lãnh các án phạt và luật lệ đã dự liệu cho từng trường hợp.

## TIẾT II

# CÔNG-TÁC KIỂM-DUYỆT VÀ CÁC KHÓ-KHĂN

Trong Tiết I chúng ta đã trình bày tất cả mọi vấn đề nằm trong lý thuyết, nhưng trong thực tế vấn đề kiểm duyệt như thế nào và từ đó gây ra những khó khăn gì. Đây là những điểm mà chúng ta sẽ xét trong tiết này.

### MỤC I.- THỦ TỤC VÀ PHƯƠNG THỨC KIỂM DUYỆT.-

#### A.- THỦ TỤC XIN KIỂM DUYỆT.-

Khi một tờ báo muốn được kiểm duyệt thời chúng sẽ phải theo những thủ tục nào. Các thủ tục này thay đổi tùy theo từng loại báo hoặc xuất bản tại Saigon, hoặc xuất bản tại các tỉnh.

\* Đối với các nhật báo xuất bản tại Saigon thì theo luật lệ hiện hành, trước khi phát hành mỗi nhật báo phải nộp 8 bản vở cho phòng điểm báo trong giờ làm việc. Kiểm duyệt xong, phòng điểm báo sẽ trả lại 1 bản cho tòa báo. Với số còn lại, các nhân viên sẽ lựa chọn và cắt những bài có đoạn bị kiểm duyệt bỏ để dán vào một tập giấy làm hồ sơ báo chí trong ngày. Một tiếng đồng hồ trước khi phát hành tòa báo sẽ phải nộp lại 3 tờ báo để nhân viên kiểm duyệt so sánh với các bản vở đã lưu lại sau khi kiểm duyệt để xem tòa báo có đục bỏ, những đoạn đã bị kiểm duyệt không. Nếu xét thấy không có gì vi phạm nhân viên hữu trách đóng dấu kiểm nhận và giao hoàn ngay cho tòa báo một bản còn hai bản được dùng để lưu.

\* Đối với các nhật báo xuất bản tại các tỉnh. -

Tại Việt Nam chỉ có một trường hợp đó là tờ Tiếng Gọi Miền Tây xuất bản tại Cần Thơ. Tòa báo cũng phải theo các thủ tục nộp bản vở như các báo tại Saigon nhưng thay vì nộp tại Nha Thông Tin Báo Chí thời họ nộp bản vở tại Ty Thông Tin Sở tại. Hàng ngày Ty Thông Tin địa phương sẽ nhận chỉ thị trực tiếp bằng điện thoại của Bộ Thông Tin để kiểm duyệt báo chí.

\* Đối với các tạp chí xuất bản định kỳ. -

Cũng theo một thể thức tương tự nhng thời gian - Phòng Điểm Báo giao hoàn bản vở được kéo dài trong 24 giờ.

B. - PHƯƠNG THỨC KIỂM DUYỆT. -

Ngoài các tiêu chuẩn tổng quát đã được hướng dẫn từ trước, các kiểm duyệt viên, mỗi buổi sáng sẽ phải dự một cuộc thuyết trình (briefing) tại phòng điểm báo. Tại đây họ sẽ nhận được chỉ thị về công việc phải làm trong ngày, lưu ý hủy bỏ những hình ảnh hay bản tin nào, để



trình lên thượng cấp tùy nghị quyết định những tin tức xét ra có hại và sau cùng gạch bỏ những "tít" lớn mà báo chí cho đăng với mục đích quan trọng hóa một sự kiện có thể gây hoang mang dư luận. Những bản tin cho kiểm duyệt viên sẽ được Phòng Tin Tức, Bộ Thông Tin cung cấp mỗi ngày và Phòng diêm báo sẽ nhận lệnh trực tiếp từ văn phòng Tổng Trưởng.

Các kiểm duyệt viên sẽ được chia thành từng ban để luân phiên nhau kiểm duyệt các báo 2 tuần 1 lần chứ không phụ trách cố định một tờ báo nào để tránh trường hợp thiên vị hay bị mua chuộc. Khi kiểm duyệt, các nhân viên phụ trách sẽ dùng bút đỏ gạch chéo, đóng ô vuông hay khoanh tròn những đoạn, những bài nào cần được bỏ.

## MỤC II. - CÁC KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC KIỂM DUYỆT. -

Dù cho rằng luật lệ đã qui định cách thức cũng như các tiêu chuẩn kiểm duyệt nhưng trong thực tế trăm ngàn khó khăn đã đặt ra cho công tác kiểm duyệt. Nhưng hai khó khăn chính vẫn là khó khăn về nhân viên và khó khăn về điều hành.

### A. - KHÓ KHĂN VỀ NHÂN VIÊN. -

Kiểm duyệt viên là người trực tiếp thi hành mệnh lệnh của chính phủ trong việc kiểm soát báo chí. Thảo luận về vấn đề kiểm duyệt báo chí mà quên không tìm hiểu các kiểm duyệt viên là một thiếu sót lớn lao không sao biện minh được. Kiểm duyệt có đem lại kết quả tốt hay xấu, lợi hay hại, không phải hoàn toàn do các luật lệ hay tiêu chuẩn mà phần lớn là do kiểm duyệt viên.

Một kiểm duyệt viên muốn xứng đáng trong vai trò của mình phải hội đủ điều kiện khả năng về văn hóa và ý thức chính trị tối thiểu nhằm giúp họ có thể hiểu đúng nghĩa xấu xa của một bài bình luận trên mặt báo. Tuy nhiên điều kiện trên chỉ là một trong những điều kiện cần thiết

chứ không phải là điều kiện đủ bởi lẽ kiểm duyệt là một loại công tác chuyên môn nên đòi hỏi nơi người phụ trách một óc quan sát sắc bén và tinh tế bởi lẽ trong nhiều trường hợp họ phải linh động giải quyết chứ không thể nhất thiết căn cứ theo chỉ thị của cấp trên mà thị hành. Nhưng muốn đạt được khả năng chuyên môn này, kiểm duyệt viên phải có một thời gian tập sự và kinh nghiệm lâu năm vì chỉ khi đó kiểm duyệt viên mới tạo được cho mình một trực giác bén nhạy để cảm thấy ý nghĩa của bài báo qua một, hai dòng chữ. Có người đã ví kiểm duyệt viên như một người lính dò mìn. Nếu người lính có thể tìm ra quả mìn bằng linh tính thì kiểm duyệt viên cũng thường tìm ra những điểm nguy hại bằng trực giác.

Nhìn vào khả năng những kiểm duyệt viên của Bộ Thông Tin Việt Nam, chúng ta thấy họ không đáp ứng được các điều kiện cần thiết nêu trên. Lý do là vì phần đông những kiểm duyệt viên là công chức thuộc ngạch thấp nên họ thiếu một căn bản văn hóa, ngoài ra họ cũng không phải là một cán bộ chính trị nên thiếu một căn bản ý thức chính trị. Chính vì các khiếm khuyết về khả năng khiến cho các kiểm duyệt viên đã vấp phải những lỗi lầm là đã thông qua những bản văn đăng lễ bị kiểm duyệt bỏ vì tuy được viết dưới hình thức tầm thường, tự nhiên nhưng bản văn lại có một nội dung khác nếu hiểu theo nghĩa bóng, mà nội dung này lại vi phạm vào các tiêu chuẩn kiểm duyệt Bộ Thông Tin đã đề ra và như vậy dĩ nhiên đã gây nên những bất lợi cho chính quyền.

Nhưng cũng có những trường hợp ngược lại là kiểm duyệt viên đã gạch bỏ những điều không đáng bị kiểm duyệt bỏ. Đó là trường hợp những đoạn văn trong những tạp chí văn học nghệ thuật, mô tả những hành động phi luân mà thực ra nếu xét trên phương diện hình thức thì đối với một người ở trình độ văn hóa thấp khó mà phân biệt được đâu là văn chương "rẻ tiền hạ cấp" diễn tả hành

đông xấu xa, bí ối chỉ với mục đích duy nhất là kêu gọi kích thích độc giả, và đầu là loại văn chương của những nhà văn đứng đắn tuy cùng dùng một hình thức tương tự.

B. - KHÓ KHĂN VỀ ĐIỀU HÀNH. -

Đối với độc giả bên ngoài, người làm công tác kiểm duyệt được hình dung như một viên chức ngày 2 buổi ngồi rung đùi đọc các bản vở và tay cầm bút chì xanh đỏ gạch lia lia tùy theo sở thích. Nhưng thật ra thì công tác kiểm duyệt không phải lúc nào cũng dễ dàng, trôi chảy, và cái quyền xử dụng bút chì xanh đỏ cũng chẳng phải là cái quyền chuyên quyết. Trái lại mỗi ngày kiểm duyệt viên đều gặp những khó khăn, mà mỗi khó khăn mỗi vẻ.

\* Khó khăn thứ nhất là việc cung cấp tin tức thiếu sót và không đáp ứng nhu cầu cần tin "sốt dẻo" của công tác kiểm duyệt. Vẫn biết rằng mỗi sáng các kiểm duyệt viên đều có tham dự một buổi thuyết trình của phòng tin tức, nhưng các bản tin này thường "chép" lại từ các đài phát thanh ngoại quốc hoặc từ các hãng Thông Tấn do đó cho nên các kiểm duyệt viên đã không am tường tin tức, tình hình quốc nội, quốc ngoại - bằng nhà báo. Sự thiếu sót này khiến các kiểm duyệt viên không thể nhận định tình hình một cách chính xác nên họ thường lưỡng lự không dám quyết định dứt khoát về một bài báo.

\* Ngoài ra trong tình trạng kỹ thuật hiện nay của báo chí Việt Nam, từ lúc tòa báo đưa bản vở để kiểm duyệt cho tới lúc đặt khuôn chì lên máy in để có đủ báo kịp phát hành, chỉ trong khoảng thời gian không quá 2 tiếng đồng hồ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, kiểm duyệt viên phải đọc tới hai hay 3 tờ báo vì vậy dù muốn dù không, kiểm duyệt viên cũng không thể đọc kỹ từng chữ từng câu để cân nhắc nặng nhẹ. Họ phải đọc nhanh, nhận định nhanh và đúng. Đối với những bài báo mà lợi hại rõ rệt sự nhận định sẽ dễ dàng. Song đối với những bài báo

mà sự lợi hại pha trộn hoặc chứa đựng nhiều ẩn ý sâu xa thì kiểm duyệt viên thường phải trông cậy vào trực giác bén nhạy của mình, nhưng khôn thay trực giác không phải lúc nào cũng bén nhạy.

\* Hơn thế nữa các tiêu chuẩn kiểm duyệt được đề ra khó giải thích và áp dụng vì chúng quá mơ hồ. Tuy nói vậy nhưng chúng ta cũng không thể trách cứ được ai hay cơ quan nào bởi lẽ khó mà qui định rõ ràng các tiêu chuẩn kiểm duyệt. Người ta còn nhớ tại Pháp khi tranh luận về tội gây rối loạn an ninh công cộng ghi nơi điều 27 đạo luật 1881, các nghị sĩ Pháp đã tranh luận rất nhiều, nhưng vẫn không định nghĩa nổi và sau cùng đành phó mặc cho tòa án thẩm xét tùy trường hợp. Một thí dụ nữa là tội mạ lỵ cá nhân. Người ta tự hỏi cá nhân đó phải thuộc tầng lớp nào, ở cương vị nào và tới mức độ nào thì các luận điệu phỉ báng, mạ lỵ mới bị coi là quá đáng.

### C.- CÁC KHÓ KHĂN KHÁC.

Ngoài các khó khăn chính kể trên, các kiểm duyệt viên còn gặp nhiều trường hợp khó xử vì tính cách ténhì và phức tạp của nó.

\* Chẳng hạn kiểm duyệt viên đã có đôi lúc phải kiểm duyệt cả những lời tuyên bố của những nhân viên cao cấp trong chính phủ như Tổng Thống, Thủ Tướng... và do đó đã từng bị mỉa mai là dám bịt miệng cả cấp lãnh đạo của mình. Thật ra người kiểm duyệt đâu có "táo gan" như vậy, chẳng qua là gặp phải trường hợp mà một viên lãnh đạo chỉ tuyên bố riêng cho một tờ báo thì làm sao kiểm duyệt viên biết được thật hay hư.

\* Một sự kiện thường xảy ra đã gây khó tâm không ít cho nhân viên thừa hành là vấn đề kiểm duyệt do oam tình cá nhân. Đó là những loạt bài bị đục bỏ không phải

vì phạm tới các tiêu chuẩn kiểm duyệt mà vì liên quan tới cá nhân một người quen biết hoặc chính bản thân một nhân vật cao cấp trong chính quyền. Nhân vật này sẽ dùng áp lực và tình cảm để ngăn chặn việc phổ biến những tin tức có hại cho ông ta. Trong trường hợp bị báo chí khiếu nại, nội vụ sẽ phải đưa ra trước cơ quan tư pháp. Hậu quả tất nhiên sẽ do kiểm duyệt viên gánh chịu bởi lẽ lệnh mà họ nhận được chỉ là khẩu lệnh, không có một bằng cứ nào để biện minh cho kiểm duyệt viên.

\* Sau cùng là vấn đề lương tâm và trách nhiệm. Thật vậy kiểm duyệt viên đã mang trong con người của mình hai vai trò, vai trò của một viên chức chính quyền và vai trò của một con người thiết tha trước đòi hỏi tự do chính đáng của người cầm bút.

Kiểm duyệt rộng rãi thì dễ bị sơ hở, thiếu sót. Kiểm duyệt kỹ thì bị báo chí than phiền, đả kích. Đứng trước trách nhiệm của người công chức, và lương tâm của người công dân muốn hướng về mục tiêu xây dựng dân chủ người kiểm duyệt viên phải hành động ra sao. Thật là một bài toán khó giải.

Thật ra thì người kiểm duyệt có lương tâm bao giờ cũng cố gắng dung hòa chỉ thị của cấp trên với quan điểm và lập trường của tờ báo. Kiểm duyệt thế nào để cho bài báo vẫn giữ được ý nghĩa của nó mà không đổi trắng ra đen đổi đen ra trắng. Có những bài báo chỉ trích chính quyền nhưng người kiểm duyệt chỉ cần gạch bỏ một đoạn là biến tác giả thành một tên bôi bét. Trong trường hợp này thì người cầm bút dễ gì tha thứ cho người kiểm duyệt.

Tóm lại dưới chế độ kiểm duyệt, kiểm duyệt viên là cái đích cho sự oán trách của cơ quan hoặc đoàn thể bên ngoài. Một bài báo chỉ trích một cơ quan, đoàn thể hay một tư nhân, nếu kiểm duyệt thông qua thì phía bị chỉ trích nghĩ rằng bài báo đã được sự đồng ý của Ủy ban kiểm

duyệt. Thế là bao nhiêu búa rìu sẵn sàng bổ lên đầu kiểm duyệt viên. Ngược lại nếu thẳng tay gạch bỏ tất cả thì người kiểm duyệt lại bị phê bình là canh sát gác nhà cho thiên hạ.

Qua phần trên chúng tôi đã trình bày luật lệ, phương thức làm việc cũng như những khó khăn của vấn đề kiểm duyệt. Đồng thời với việc trình bày, chúng tôi cũng đã đưa ra một vài ý kiến nhỏ. Tuy nhiên vấn đề kiểm duyệt báo chí không phải chỉ đơn giản như thế. Nó đã bị bãi bỏ và rồi lại tái lập, và hiện nay đã bị bãi bỏ nhưng không ai bảo đảm rằng nó sẽ không được tái lập. Do đó muốn vĩnh viễn chôn vùi chế độ kiểm duyệt báo chí chúng ta phải tìm ra được một giải pháp ngõ hầu giải quyết được vấn đề một cách hợp lý, thuận lợi cho cả hai phía chính quyền và báo giới. Đây là chủ đề mà chúng tôi sẽ nghiên cứu trong chương hai với đề mục nhận định về vấn đề kiểm duyệt báo chí trong đó chúng tôi khảo sát vai trò của biện pháp kiểm duyệt đối với tự do báo chí và giải pháp cho vấn đề bãi bỏ chế độ kiểm duyệt.





## *Chương Hai*

# NHẬN ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DUYỆT BÁO CHÍ

### TIẾT I. - BIỆN PHÁP KIỂM DUYỆT VỚI QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ. -

#### I. - TỰ DO BÁO CHÍ YẾU TÍNH CỦA CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ. -

Tự do báo chí rất cần thiết cho chế độ dân chủ để

- \* Giám sát chính quyền
- \* Hướng dẫn dư luận quần chúng

#### II. - CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT VỚI QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ. -

Nếu công nhận quyền tự do báo chí thì phải bãi bỏ chế độ kiểm duyệt vì các lý do sau :

- \* Kiểm duyệt là biện pháp giới hạn quyền tự do báo chí của người Pháp và là tàn tích của nô lệ
- \* Luật lệ kiểm duyệt đã lỗi thời, không thích hợp với hoàn cảnh mới và tinh thần mới.
- \* Kiểm duyệt nhằm bưng bít tin tức, tạo nên tình trạng hoang mang trong dân chúng
- \* Yếu tố tâm lý trong cuộc chiến hiện tại
- \* Hiến pháp không chấp nhận chế độ kiểm duyệt



TIẾT II. - GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ BÃI BỎ KIỂM DUYỆT. -

I. - TẠI SAO CẦN PHẢI CÓ MỘT QUI CHẾ BÁO CHÍ. -

- \* Xác định giới hạn quyền tự do báo chí.
- \* Bảo vệ quyền lợi người làm báo

II. - NHỮNG NÉT TỔNG QUÁT CỦA QUI CHẾ BÁO CHÍ. -

- \* Vấn đề cho phép ra báo
- \* Nghĩa vụ pháp định của báo chí
- \* Quyền tự do Thông tin, nghị luận và giới hạn
- \* Tổ chức nền báo chí



## TIẾT I

# BIỆN-PHÁP KIỂM-DUYỆT VỚI TỰ-DO BÁO-CHÍ

### MỤC I. - TỰ DO BÁO CHÍ: YẾU TÍNH CỦA CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ. -

Mỗi khi nói đến tự do, người ta vừa cảm thấy tràn trề uất hận về những biện pháp tàn bạo của chính phủ độc tài bóp nghẹt tự do vừa say sưa ngưỡng mộ những tấm gương cao cả mà những chiến sĩ đã hy sinh cho công cuộc đấu tranh giành tự do cho nên không ai là không ao ước, háo hức sẵn sàng hy sinh cho tự do. Một trong những tự do thường có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống hàng ngày của dân chúng là tự do báo chí. Hiện nay trên thế giới không một nước nào áp dụng một chính sách tự do báo chí hoàn toàn. Chính quyền nào cũng đều muốn chi phối báo chí, dùng báo chí làm hậu thuẫn cho mình. Nhưng báo chí và quần chúng lại luôn luôn muốn đi ngược lại ý muốn này của chính quyền. Tự do báo chí luôn luôn được đề cao và được coi như một tự do cần thiết nhất trong chế độ dân chủ. Thomas Jefferson tác giả bản tuyên ngôn độc lập và cũng là vị Tổng Thống thứ hai của quốc gia Hoa Kỳ đã nói : "Tự do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không. Nếu tự do báo chí mà bị hạn chế thì các tự do khác của chúng ta cũng bị tiêu diệt. Sao vậy ? Vì báo chí là phương tiện hiệu nghiệm nhất để nhân dân kiểm soát công việc của chính quyền.

Chúng ta phải đồng ý với Jefferson về quan điểm trên bởi lẽ trong chế độ mà dân làm chủ thì người dân có quyền và hơn thế nữa có bổn phận kiểm soát chính quyền. Người cầm quyền không còn là người thừa mệnh trời để cai trị nhân dân mà là công bộc của dân. Muốn kiểm soát chính quyền thì phương tiện hữu hiệu và giản dị nhất là báo chí. Nếu báo chí được tự do thì nhân dân có thể phê bình chính sách của chính phủ, chỉ trích hành động của nhà cầm quyền. Đây là một trong những yếu tố của một chế độ dân chủ.

Nhớ lại lịch sử báo chí Hoa-Kỳ vào năm 1935 khi Ông Zenger chủ nhiệm tờ Newyork Weekly Journal, một người được coi như một chiến sĩ tiên phong tranh đấu cho tự do báo chí đã bị đưa ra tòa về tội "loan tin thất thiệt, cố tình cách phỉ báng, phạm pháp, phá rối trị an" đã được luật sư Andrew Hamilton biện hộ như sau. "Người công dân tự do phải có quyền phản đối công khai bằng những lời công kích cương quyết chống lại những sự lộng quyền... Họ có quyền loan báo cho mọi người công dân khác được biết hành động ngấm ngấm hay công khai của những người cầm quyền, họ có quyền minh xác ý tình của họ đối với lợi ích của tự do... Người ta có quyền nói gì? Người ta có quyền nghe gì mà không bị tội?"

Như vậy chỉ có báo chí mới là phương tiện dễ dàng nhất để nhân dân kiểm soát được chính phủ trong một chế độ dân chủ. Một chế độ muốn xưng danh là một chế độ dân chủ phải tôn trọng quyền tự do báo chí vì nếu không có tự do báo chí tức là chính quyền đã từ chối sự kiểm soát của nhân dân và lúc đó chế độ không còn là chế độ dân chủ đúng với nghĩa của nó nữa.

Ngoài nhiệm vụ kiểm soát chính quyền, báo chí trong một xã hội dân chủ còn đóng vai trò hướng dẫn dư luận quần chúng Quốc gia Việt Nam hiện đang là một chiến trường đấu tranh giữa hai ý thức hệ Tự Do và Cộng Sản. Người quốc gia Việt Nam luôn luôn nêu cao chính nghĩa Tự Do của mình làm ngọn đuốc soi đường cho cuộc chiến vì vậy vai trò hướng dẫn dư luận quần chúng của báo chí càng trở nên quan trọng và tự do báo chí lại càng trở nên cần thiết. Hơn thế nữa báo chí không phải chỉ hướng dẫn quần chúng trong công cuộc chống Cộng Sản mà còn hướng dẫn quần chúng hiểu được vai trò của chính quyền, thông cảm được những khó khăn mà chính quyền đang gặp phải trong một tình thế như hiện tại. Nhưng muốn đạt được mục tiêu này thì báo chí phải được tự do. Thật vậy muốn dư luận phán đoán không sai lầm thì chỉ có cách cho dân biết rõ hết công việc làm của chính phủ. Báo chí sẽ

1 là gạch nối giữa chính quyền và nhân dân. Phải cho báo chí tự do thông tin một cách xác thực vì sớm muộn gì người ta cũng biết sự thật. Chính phủ có dấu diếm thời cũng chỉ làm cho dân mất hết niềm tin khi dân mất hết lòng tin thời chính phủ không còn sức hậu thuẫn và do đó không thể tồn tại được, nếu có cố gắng để tồn tại thời buộc phải hy sinh chế độ dân chủ. Như vậy phải chăng tự do báo chí là yếu tính của chế độ dân chủ.

Một khi dân biết rõ thực trạng, tình hình, công việc và nhất là khó khăn của chính phủ thì chắc chắn có sự đồng tình, có lòng thông cảm giữa đôi bên, và sự đồng tình cảm thông đó là yếu tố thiết yếu của chế độ dân chủ.

Với quyền tự do, báo chí sẽ đóng vai trò hướng dẫn dư luận một cách có kết quả vì trên phương diện tạo thành dư luận, báo chí có một ảnh hưởng lớn lao hơn sách vở nhiều vì báo chí đơn giản hóa những tư tưởng trừu tượng, trình bày những chỗ quan hệ của các biến cố, đưa ra những khía cạnh hài hước hay bi thảm của một sự kiện. Cucheval Clari-guy, tác giả cuốn lịch sử Báo Chí Anh-Quốc và Mỹ Quốc đã viết "Gương giáo của Washington chỉ bênh vực một cuộc Cách Mạng đã được dư luận hoàn thành. Nhưng gây dư luận đó, cắt đứt từng mồi giấy, thức tỉnh ý niệm quyền lợi và ý thức về tương lai của họ khác biệt tương lai của Anh Quốc, nêu cao tinh thần quốc gia của dân chúng Mỹ, đây là việc của báo chí".

Đối với chính quyền, một chế độ tự do báo chí biểu lộ được ước vọng của chính quyền là muốn nghe tiếng nói của nhân dân, muốn làm theo ý dân và muốn phục vụ nhân dân. Nếu báo chí chỉ trích đúng thì chính quyền phải theo, nếu báo chí chỉ trích sai thì chính quyền cũng đã tỏ được rằng đường lối của mình đề ra đã đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và quyền lợi của quốc gia. Tinh thần dân chủ là như thế đấy bởi lẽ báo chí có thể quái ác, có thể dè hèn, man trá nhưng báo chí phải được tự do vì chính phủ là của nhân dân

thời phải nghe tiếng nói tự nhân dân. Thomas Fefferson đã quá quyết rằng "Nếu tôi phải chọn một trong hai con đường, có chính phủ mà không báo chí, có báo chí mà không chính phủ, thì tôi sẽ chọn con đường thứ hai".

Tóm lại ta thấy trong một chế độ dân chủ, quyền tự do báo chí là một quyền cần thiết, thiếu nó chế độ dân chủ mất đi bản chất của mình. Người ta có thể nêu lên nhiều lý do để biện minh cho việc giới hạn các quyền tự do khác nhưng với quyền tự do báo chí một khi chính quyền đặt ra giới hạn thì không có cách gì biện minh hơn là thú nhận rằng mình đã dần dần xa rời chế độ dân chủ. Mà khi đã xa rời dân chủ tức là chính quyền đã mất đi sức hậu thuẫn của nhân dân, và đây cũng là một thiệt thòi lớn lao cho chính quyền.

## MỤC II. - CHẾ ĐỘ KIỂM DUYỆT VỚI QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ. -

Vấn đề kiểm duyệt báo chí trong một quốc gia - công nhận quyền tự do báo chí đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Một số người quá ưu tư tới hiện tình của đất nước, lo lắng đến những sự lạm dụng quyền tự do báo chí thường gây nên những nguy hại cho công trình chống Cộng của dân tộc. Họ cho rằng tự do báo chí chỉ là nguyên tắc lý tưởng, nó chỉ tốt đẹp và thích hợp cho một Quốc gia thanh bình, không bị đe dọa bởi một cuộc xâm lăng của Cộng Sản. Quốc gia Việt Nam không được may mắn ở trong hoàn cảnh đó nên trong tình trạng hiện tại không những quyền tự do báo chí mà cả những tự do cá nhân cũng bị xếp xuống hàng thứ yếu để dành mọi ưu tiên cho nỗ lực chiến tranh. Chính vì vậy trong phạm vi báo chí, nhà cầm quyền cần phải thiết lập chế độ kiểm duyệt báo chí hầu tránh những nguy hại cho công trình chống Cộng và toàn dân đang theo đuổi. Bởi lẽ nhờ biện pháp kiểm duyệt mà chúng ta ngăn ngừa được những tiết lộ bí mật quốc phòng, tránh được những cơ hội cho Cộng sản xâm nhập vào làng báo, khai thác những nguồn tin nhằm gây hoang mang trong

quần chúng hoặc bình luận có lợi cho Cộng sản.

Ngoài ra, với thực trạng xã hội Việt Nam hiện tại, biện pháp kiểm duyệt báo chí lại càng trở nên cần thiết. Lý do là các lực lượng Quốc gia đang bị phân hóa cùng cực: các nhóm chính trị, tôn giáo, áp lực... không tạo được sự đoàn kết cần thiết nên thường có những va chạm. Các nhóm này không ngần ngại đã kích nhóm kia nhất là khi họ lại có một cơ quan ngôn luận trong tay, mà trước mặt họ không có một "bức tường" nào ngăn cản. Tình trạng này tạo nên những hố chia rẽ vốn đã trầm trọng lại càng trầm trọng thêm. Như vậy khi áp dụng biện pháp kiểm duyệt báo chí tức là chính phủ đã đóng một vai trò của người "cam cân nạy mực" trong việc ngăn ngừa các chia rẽ giữa các lực lượng quốc gia. Mà đây là một yếu tố cần thiết trong công cuộc đấu tranh với Cộng sản.

Một lý do nữa mà những người chủ trương duy trì biện pháp kiểm duyệt thường đưa ra mà chúng ta đã nêu ra trong chương dân nhập khi đề cập tới lý do tại sao chính quyền cần phải kiểm soát báo chí, đó chính là tình trạng chậm tiến của cả hai giới: làm báo và đọc báo. Thật vậy hiện nay tại nước ta, một số người làm báo đã không ý thức được trách nhiệm của mình nên thường xử dụng quyền tự do báo chí một cách bừa bãi khiến gây nên những tai hại và lỗi lầm không thể tha thứ được. Loại người này lại được sự cổ vũ ủng hộ của một số người đọc cũng thiếu ý thức như họ khiến cho tình trạng thiếu trách nhiệm này cứ duy trì mãi nếu chính quyền hoặc những người có trách nhiệm không cho thi hành một biện pháp ngăn cản nào. Nói khác đi, chính quyền không thể phó mặc việc hướng dẫn dư luận vào tay một nhóm người chưa đủ tư cách nhất là khi dân trí nước ta chưa cao để phân biệt đâu là những lợi ích, đâu là những nguy hại cho quyền lợi quốc gia.

Trên đây là những lý do mà những người muốn duy trì biện pháp kiểm duyệt đưa ra nhằm bênh vực cho chủ trương

của mình. Nhưng đứng về phía những người đối lập thời họ lại lập luận khác. Những người này cho rằng mỗi khi ban hành một biện pháp giới hạn quyền tự do báo chí thời biện pháp kiểm duyệt là biện pháp đầu tiên. Như vậy kiểm duyệt là trở ngại đầu tiên và cũng là trở ngại lớn lao nhất đối với quyền tự do báo chí. Không thể nào có quyền tự do báo chí khi mà biện pháp kiểm duyệt vẫn duy trì. Vì vậy đòi hỏi đầu tiên của người làm báo trong bất cứ quốc gia nào đều là bãi bỏ biện pháp kiểm duyệt.

Trở lại lịch sử báo chí Việt Nam, chúng ta thấy rằng biện pháp kiểm duyệt được thiết lập từ năm 1939, là năm mà báo chí Việt Nam bắt đầu phát triển. Chế độ kiểm duyệt lúc đó chỉ nhằm mục đích giới hạn quyền tự do báo chí, ngăn chặn tiếng nói đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Như thế chế độ kiểm duyệt gắn liền với thân phận nô lệ của nhân dân Việt Nam bởi lẽ nó là một trong muôn ngàn hình thức cai trị của người Pháp. Hiện nay Việt Nam đã thu hồi được chủ quyền, người Pháp đã phải nhường bước trước sức đấu tranh của dân tộc Việt và phải rời khỏi đất nước này thời không vì lẽ gì mà chế độ kiểm duyệt còn tồn tại. Nếu nó không được chấm dứt thì hình ảnh của nô lệ vẫn còn ám ảnh trong đầu óc người dân Việt và người ta có thể nghĩ rằng đất nước này chỉ được thay thế tầng lớp thống trị da trắng bằng tầng lớp thống trị da vàng

Hơn thế nữa, luật lệ về kiểm duyệt mà hiện nay đang áp dụng, đã quá lỗi thời, không còn phù hợp với hiện trạng đất nước. Sắc luật làm căn bản cho chế độ kiểm duyệt là sắc luật số 275/PTT/TTK ban hành ngày 5.4.1954 bởi Thủ Tướng Bửu Lộc. Tham phán Trần Thủ Linh đã nhận xét như sau : " Trước hết luật lệ của ta về báo chí quá đời phức tạp và thiếu nhất trí. Nguyên do là sau thời Pháp thuộc, ta vẫn giữ các pháp chế cũ của thực dân rồi đem vá vấu cho phù hợp với nhu cầu nhất thời. ". Các nhà lập pháp Việt Nam qua hai quốc hội Lập Hiến và ba Quốc Hội Lập Pháp vẫn chưa đưa ra được một luật lệ mới nào khả dĩ có thể thay thế được các luật lệ cũ. Vì tính cách thiếu thích hợp với tình thế và không phù hợp với tinh thần mới của một quốc gia đã được độc lập và đang trên

đường xây dựng dân chủ nên chúng ta không còn gì để luyến tiếc mà không dám dứt khoát bãi bỏ chế độ kiểm duyệt là một biện pháp lỗi thời từ thời Pháp thuộc.

Một nhận định nữa mà chúng ta có thể nêu ra để bãi bỏ chế độ kiểm duyệt là tính cách nguy hại của chính sách bưng bít tin tức của chính quyền được thi hành bằng biện pháp kiểm duyệt. Thật vậy tuy mục tiêu mà chính quyền khi thiết lập chế độ kiểm duyệt đưa ra là để bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự công cộng nhưng thật ra trong thâm tâm nhà cầm quyền lúc bấy giờ không muốn cho dân chúng biết những sự thật đã xảy ra trong nước. Vì tin tức không xác thực, lại bị chính quyền bưng bít bằng chế độ kiểm duyệt nên người dân buộc phải tìm đọc, tìm nghe tin tức từ những nguồn tin ngoại quốc, mà những nguồn tin này thường khi chủ quan và thiên lệch. Nhớ lại năm cuối cùng của Chính phủ Ngô Đình Diệm, khivụ "khủng hoảng Phật Giáo" xảy ra, chính quyền thời bấy giờ đã thiết lập chế độ kiểm duyệt. báo chí không được loan một tin nào có hại cho chính quyền. Vì không có tin tức xác thực nên dân chúng hàng ngày đón nghe những bản tin của các đài phát thanh VOA, BBC, Nhật hay Úc và tìm đọc những tờ báo ngoại quốc như Time, Newsweek v.v... mà những nguồn tin này khi loan tin hay bình luận đều thiên lệch vì họ hoặc không có cảm tình với chính quyền thời đó hoặc đường lối của chính phủ họ không muốn ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm nữa. Chính vì không có tin tức xác thực, không có dữ kiện đúng đắn nên dân chúng thường phán đoán sai lầm dễ gây nguy hại cho Quốc gia.

Một yếu tố nữa để củng cố thêm ý kiến bãi bỏ chế độ kiểm duyệt là yếu tố tâm lý trong cuộc chiến hiện nay. Chiến tranh đang diễn ra là một chiến tranh không qui ước. Đây không phải là một chiến tranh có giới tuyến mà nó bao gồm nhiều khía cạnh: xã hội, kinh tế, quân sự, chính trị. Cả hai bên đều phải tranh thủ nhân tâm nên chính quyền phải để báo chí tự do, không thể áp dụng biện pháp kiểm duyệt nhằm hạn chế tự do báo chí. Nếu chính phủ làm được như vậy thì dân chúng sẽ nhận thấy mình có quyền tham dự



vào việc điều khiển guồng máy quốc gia, dân thấy mình được tự do nên mới ủng hộ chính phủ. Như vậy thì cơ hội chiến thắng Cộng sản dễ thực hiện trong một chế độ tự do báo chí hơn là trong một chế độ kiểm soát báo chí.

Sau cùng chế độ kiểm duyệt cần phải chấm dứt vì nó là một trong những nguyên nhân ngăn cản sự tiến bộ của Quốc gia, ngăn cản sự phát triển các định chế dân chủ mà Quốc gia Việt Nam đang theo đuổi. Thật vậy hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa ban hành ngày 1.4.1967 trong điều 12 đã công nhận quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, và nhất là chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận. Hiến pháp là một đạo luật tối thượng làm căn bản cho các đạo luật khác và chính là biểu tượng của một chế độ dân chủ. Từ căn bản là Hiến pháp, chúng ta đi xây dựng các định chế dân chủ khác. Nay Hiến pháp đã không chấp nhận chế độ kiểm duyệt tức là chúng ta bắt đầu tiến trên con đường xây dựng dân chủ. Tự do báo chí từ đây sẽ được tôn trọng triệt để. Người dân từ nay có thể sử dụng quyền làm chủ quốc gia của mình, để chỉ trích, để khuyến cáo chính quyền nhằm đưa quốc gia đến tiến bộ. Con đường dân chủ hóa của quốc gia Việt Nam đã khởi đầu - bằng quyền tự do báo chí mà không có giới hạn khiến ta tin tưởng vào tương lai dân chủ của xứ sở này. Chính niềm tin và nỗi ước mơ dân chủ khiến chúng ta không thể rút rè khi phải quyết định tái bỏ chế độ kiểm duyệt.

## TIẾT II

# GIẢI-PHÁP CHO VẤN-ĐỀ BÃI-BỎ KIỂM-DUYỆT

Trên thế giới hiện nay không có một quốc gia nào để cho báo chí được hoàn toàn tự do ngay cả chế độ tự do nhất. Trong một cuộc điều tra của tuần báo US News and World Report làm năm 1960 thì lúc đó có tới 96 Quốc gia hạn chế quyền tự do báo chí. Từ sự kiện này chúng ta đều phải nhận định rằng khi đề nghị bãi bỏ chế độ kiểm duyệt chúng ta cần phải có một giải pháp thích đáng để giải quyết trọn vẹn vấn đề. Giải pháp này đã được các nhà Lập Hiến của nền Đệ II Cộng Hòa đề ra. Thật vậy trong điều 12 Hiến pháp 1.4.1967, sau khi qui định chế độ tự do báo chí và không chấp nhận chế độ kiểm duyệt, các nhà lập hiến đã ghi thêm rằng: "một đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí".

### MỤC I. - TẠI SAO CẦN PHẢI CÓ MỘT QUI CHẾ BÁO CHÍ. -

Khi ban hành quyền tự do báo chí, chúng ta ai cũng lo ngại những lạm dụng quyền tự do này nhất là khi quốc gia đang trong thời kỳ chiến tranh. Bởi thế việc ban hành một qui chế báo chí nhằm giới hạn và qui định rõ rệt phạm vi của quyền tự do báo chí là một điều cần thiết phải được thực hiện càng sớm càng tốt để tránh những nguy hại có thể xảy ra.

Với một qui chế báo chí, chính quyền sẽ đặt ra những cái mốc để người làm báo phải theo. Những mốc này sẽ bảo vệ quyền lợi quốc gia và của mọi công dân vì tự do báo chí không phải chỉ là tự do của người làm báo mà còn là tự do của người đọc báo. Người đọc có quyền đòi hỏi người làm báo phải loan tin xác thực, bình luận đúng đắn và nhất là không được dùng báo chí để phỉ báng cá nhân. Còn quyền lợi của Quốc gia đòi hỏi người làm báo không được đi ngược lại đường lối xây dựng quốc gia, hoặc gây nguy hại cho an ninh Quốc phòng, trật tự công cộng bằng những tin tức tiết lộ hoạt động của quân đội, bí mật quốc phòng hoặc mạt lý cá nhân, xâm phạm thuần phong mỹ tục.

Ngoài ra với qui chế báo chí, quyền lợi của người làm báo cũng được bảo vệ. Kinh nghiệm cho biết, người làm báo và viết báo Việt Nam hiện thời luôn luôn bị ám ảnh bởi các tội loạn tin thật thiệt nguy hại tới an ninh Quốc gia, có thể làm cho tờ báo bị đóng cửa và các người chủ trương bị đưa ra tòa bất cứ lúc nào. Chính sự ám ảnh này đã làm nhụt nhuệ khí và óc khám phá của những người làm báo, khiến cho báo chí Việt Nam luôn luôn bị thua sút báo chí ngoại quốc. Vì vậy khi qui chế báo chí ra đời, người làm báo sẽ biết rõ phạm vi của mình, họ sẽ biết rõ khi nào bị trừng phạt, khi nào không khiến cho họ an tâm trong việc tìm kiếm và phổ biến tin tức. Chính yếu tố này giúp cho báo chí đóng trọn vẹn vai trò thông tin và hướng dẫn luận của mình. Như vậy tức là họ đã đóng góp vào công tác xây dựng quốc gia.

## MỤC II. - NHỮNG NÉT TỔNG QUÁT CỦA QUI CHẾ BÁO CHÍ. -

Qui chế báo chí thường thay đổi theo từng quốc gia và từng giai đoạn lịch sử mà nó được ban hành. Có nơi qui chế rất vắn tắt, đơn giản. Có nơi qui chế lại bao gồm cả các vấn đề vụn vặt như cách đặt tit lớn, chữ in tên chủ nhiệm, tên quản lý, địa chỉ nhà in ...

Tại Việt Nam, sau gần một thế kỷ ngoại thuộc và 1/4 thế kỷ sống thường xuyên trong cảnh xáo trộn. Những người có trách nhiệm đều ôm hoài bão xây dựng lại tất cả để Việt Nam có một chế độ dân chủ trọn vẹn. Trên lãnh vực báo chí, một qui chế phải bao gồm tất cả những điểm có thể giải quyết được những thắc mắc, ưu tư của cả hai giới làm báo. Hiện nay một qui chế báo chí đang được hai Viện Quốc Hội thảo luận nhưng vấn đề chưa đi đến chung quyết bởi lẽ còn quá nhiều khó khăn trong việc dung hòa giữa thực tế chính trị của quốc gia với tính cách toàn thiện của một qui chế báo chí. Nhưng đại khái các vấn đề sau đây sẽ phải được ghi vào qui chế :

A. - VẤN ĐỀ CHO PHÉP RA BÁO. -

Về vấn đề này, nhà lập pháp hiện nay đứng trước khó khăn và làm sao để thoả mãn sự đòi hỏi quyền ra báo của khá đông ký giả, nhân sĩ, chính khách, đã nộp đơn từ lâu mà chưa được giải quyết. Đồng thời phải nghĩ đến số lượng báo chí hiện có quá nhiều mà số độc giả lại hữu hạn do đó phải làm thế nào để các báo có thể sống được mà tránh gây một sự hỗn loạn. Ngoài ra nếu cần thoả mãn yêu sách của các cá nhân yêu nghề báo thì chúng ta cũng phải nghĩ đến việc thúc đẩy báo chí Việt Nam sớm thoát khỏi tình trạng tiểu công nghệ để tiến tới một nền đại kỹ nghệ hóa và có giá trị quốc tế. Để thoả mãn các đòi hỏi trái ngược này, nhà lập pháp có thể chọn một trong hai giải pháp : hoặc mở rộng về thể thức nhưng thắt chặt bằng điều kiện, hoặc trái lại. Giải pháp thứ hai tức là không cần đòi hỏi điều kiện khó khăn ở người chủ nhiệm, mà chỉ cần dành cho Hành Pháp quyền xét định các đơn xin ra báo. Giải pháp này đã bị chỉ trích là phản dân chủ. Do đó nhà lập pháp phải theo giải pháp thứ nhất tức là bãi bỏ thể thức xin phép mà thay bằng thể thức khai báo, đồng thời buộc chủ nhiệm phải hội đủ một số điều kiện khó khăn. Giải pháp này có lợi là thoả mãn sự đòi hỏi tự do xuất bản và nâng cao trình độ báo chí nước nhà với những người chủ báo xứng đáng về mọi phương diện.

B. - NGHĨA VỤ CỦA BÁO CHÍ. -

Nói tới nghĩa vụ của báo chí, người ta nghĩ ngay tới các nghĩa vụ thông thường được coi là tất nhiên như :

- Nghĩa vụ công khai hóa địa chỉ nhà báo và nhà in.
- Nghĩa vụ chứng minh căn nguyên tài chánh
- Nghĩa vụ thường xuyên điều khiển báo và không được quyền khai thác cho người khác.

Nhưng còn một số nghĩa vụ khác mà người ta cho rằng

nên ghi thành điều luật để bảo vệ quyền lợi độc giả và giới kinh doanh có liên hệ tới báo chí. Đó là nghĩa vụ công bố giá báo hằng ngày, hằng tháng, hằng năm, Công bố số phát hành và giá biểu quảng cáo. Riêng về số phát hành, báo chí coi là bí mật nghề nghiệp, và giá biểu quảng cáo được coi là tùy theo quyết định riêng của mỗi báo đối với từng loại khác hàng không thể đặt thành giá biểu chung. Nhưng giới kinh doanh lại nghĩ khác: Họ đang quảng cáo - là gián tiếp đóng góp vào nguồn lợi tức của tờ báo thì họ có quyền biết số phát hành thực sự cũng như giá biểu quảng cáo của tờ báo đó. Tại nhiều nước, pháp luật đã dung hòa hai quan điểm tương phản trên bằng cách thiết lập những Ủy ban hỗn hợp: báo chí, thương gia và chính quyền. Ủy ban này có quyền biết rõ số phát hành của mỗi tờ báo để khi cần thông báo cho giới nhà buôn, nhà sản xuất. Như vậy quyền lợi của giới này sẽ được bảo đảm mà nhà báo khỏi phải tiết lộ con số phát hành thấp kém của mình làm mất uy tín đối với độc giả.

Một khó khăn nữa là có nên bắt báo chí phải công bố danh sách, tên họ, bút hiệu của các thành phần to soạn không? Điều này đã bị báo giới đã kích là phản động, có tính cách đe dọa, gây áp lực với ký giả. Chỉ dưới chế độ Cảnh sát người ta mới bắt buộc người viết báo ký tên thật hoặc khai tên họ thật với cơ quan hữu quyền. Tuy nhiên dư luận một số độc giả lại cho rằng các bài báo phê bình, chỉ trích, chỉ có giá trị khi có ký tên thật dưới các bài của mình thì trách nhiệm của chủ báo sẽ giảm bớt đồng thời quyền hành của chủ báo đối với ký giả cũng giảm đi. Như vậy vai trò của ký giả không còn bị chìm lấp trong tính chất tập thể của tờ báo như trước nữa.

### C. - QUYỀN TỰ DO THÔNG TIN, NGHỊ LUẬN, VÀ GIỚI HẠN. -

Đối với quyền tự do thông tin, thì ở bất cứ Quốc gia nào dù tinh thần dân chủ trường thành đến bao nhiêu, quyền tự do của người viết báo cũng có những giới hạn để

tôn trọng quyền lợi các công dân khác và quyền lợi của Quốc gia. Ở Việt Nam, lý do hạn chế càng có nhiều và có vẻ chính đáng hơn vì chúng ta đang phải chiến đấu trong một trạng thái hiểm nghèo và phức tạp. Thế nhưng đối với báo chí Việt Nam, sự đòi hỏi tự do không phải là một sự đòi hỏi hưởng thụ mà trái lại, vì tự do chính là một yếu tố cần thiết cho ngành báo tiến lên. Bởi vậy nhà lập pháp cần phải cân nhắc thế nào để tìm được một công thức dung hòa hữu lý và hữu ích cho cả chính phủ lẫn báo chí.

Về quyền nghị luận, người làm báo và viết báo Việt Nam thường nghĩ ngay tới các vụ phi báng, mạ lỵ thường xảy ra đến cho báo chí. Luật pháp có nhiệm vụ trừng trị nặng nề để ngăn ngừa những bài báo vượt quá giới hạn phê bình, chỉ trích. Nhưng nếu nhà làm luật không dự liệu đầy đủ các bảo đảm quyền tự bào chữa cho báo chí thì tự do Nghị luận sẽ chỉ là cái bẫy cho những người viết báo nhẹ dạ. Tính chất phi báng, mạ lỵ của một bài báo rất khó qui định một cách rõ ràng vì ý kiến danh dự là một ý niệm chủ quan tùy thuộc trí thức và tình cảm cá nhân.

Đối với tội xuất phạm luận lý, công việc của nhà làm luật cũng không kém phần khó khăn, bởi lẽ quan niệm về luận lý thay đổi tùy theo thời đại và thành phần xã hội nhất là sau khi quốc gia trải qua những biến chuyển liên tiếp. Một bài báo bị các độc giả lớn tuổi coi là phi luận, lại có thể được lớp trẻ hâm mộ như một tác phẩm hiện thực tiến bộ.

Còn đối với tội vi phạm an ninh công cộng, làm lợi cho Cộng Sản, gây chia rẽ nội bộ Quốc gia, cũng cần được minh thị rõ ràng. Nếu chỉ tóm tắt tội trạng trong công thức vắn tắt như các điều luật cũ thời qui chế báo chí mới cũng không giúp ích gì nhiều cho nhà báo.

Để bù đắp vào sự khó khăn qui định tội trạng, người ta nghĩ đến giải pháp lập thêm tòa án riêng để xử các vụ án báo chí với sự hiện diện của các phụ tham am hiểu văn đờ báo chí.

D. - TỔ CHỨC MỘT NỀN BÁO CHÍ. -

Muốn tổ chức một nền báo chí xứng đáng, qui chế báo chí phải đề cập tới thành phần đông đảo trong làng báo, đó là ký giả. Cho tới nay ký giả vẫn bị một phần dư luận mang nặng thành kiến coi rẻ. Quan niệm ấy chẳng những bất công mà còn ngăn cản sự trưởng thành của báo chí. Muốn nâng cao trình độ báo chí, nhà làm luật phải qui định trong qui chế báo chí những luật lệ liên quan đến việc thiết lập và thẩm quyền của các tổ chức ký giả, những điều kiện chung về việc hành nghề ký giả và những điều kiện riêng cho từng người. Ngoài ra luật lệ cũng qui định một số đãi ngộ dành cho những ký giả chuyên nghiệp như được hưởng giá vé di chuyển đặc biệt và được ưu tiên xử dụng với giá rẻ các phương tiện truyền tin của chính phủ.

Về sinh hoạt của báo chí, qui chế báo chí trong tương lai phải qui định một tổ chức như thế nào để có thể điều hành các sinh hoạt nội bộ của làng báo như vấn đề phát hành, có nên tự do cạnh tranh hay không, có nên chấp thuận cho báo chí định giá bán, số trang và dùng các hình thức cổ động theo sở thích hay là cũng qui định một phạm vi chung

Làng báo Việt Nam đang nôn nóng chờ đợi ban hành qui chế báo chí mới. Dư luận nói chung đều mong có một qui chế báo chí tiến bộ. Lẽ dĩ nhiên với mức độ trưởng thành hiện nay của báo chí Việt Nam, chúng ta sẽ không thể nào chấp nhận một qui chế giạt lùi so với các luật lệ cũ. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để tìm được những công thức vừa tiến bộ lại vừa sát với thực tế. Đó quả là một công việc rất khó khăn và tế nhị vậy.





## KẾT LUẬN

**N**gay nay báo chí đã đóng một vai trò quan trọng - trong đời sống xã hội. Nó đã trở nên một nhu cầu cần thiết hàng ngày của con người, vắng nó, chúng ta cảm thấy như thiếu thốn một cái gì trong cuộc sống - thường nhật. Alfred de Viguy đã nói "Người Pháp nào cũng có một người bạn tâm phúc để phỉnh nịnh, khuyên răn trong hết mọi trường hợp. Đối với họ, người ấy trung thành và khẩn thiết hơn cả vợ con, cha mẹ. Không có người ấy, họ sẽ như người mất trí, không thể làm gì, không thể định đoạt và biết gì nữa. Sáng nào lúc ăn quà, người bạn ấy cũng tới mang cho họ tự tưởng và tin tức hàng ngày. Đây là tờ Nhật báo hàng ngày".<sup>(7)</sup> Dĩ nhiên Alfred de Viguy đã nói quá về vai trò của báo chí nhưng chúng ta cũng phải đồng ý về tính cách quan trọng của báo chí trong cuộc sống hiện tại.

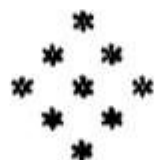
Tuy quan trọng như vậy, nhưng báo chí vẫn bị luật pháp và cơ quan chính quyền làm khó dễ. Chính quyền nước nào cũng vậy dù tự do hay độc tài cũng đều có khuynh hướng chi phối, kiểm soát báo chí. Làng báo Việt Nam đã trải qua nhiều chính sách: từ khắt khe, đàn áp báo chí khi chúng ta ở dưới ách nô lệ của người Pháp, hoặc ở dưới chế độ độc tài của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cho đến chế độ báo chí hoàn toàn tự do hay tự do hạn chế trong những ngày sau Cách Mạng 1.11.1963. Thế nhưng báo chí Việt Nam vẫn chưa tiến bộ, như vậy lý do không phải hoàn toàn vì chính quyền không ban hành quyền tự do báo chí mà chính là vì chúng ta chưa có một quan niệm đúng đắn về tự do. Người làm báo tại Việt Nam thường quan niệm tự do có nghĩa là họ không bị ràng buộc bởi một qui luật nào khác hơn là

(7) Trích lại trong "Tổ chức một tờ báo hàng ngày" của Hồ Anh Chương, Saigon 1958.

truyền thống nghề nghiệp của họ. Họ chẳng cần biết luật lệ ra sao để mà hành nghề hầu tránh các vi phạm luật pháp.

Do đó muốn tiến bộ, người làm báo phải quan niệm lại quyền tự do của mình. Quyền tự do thông tin và bình luận không còn là quyền của ký giả muốn viết gì thì viết, muốn loan tin gì thì loan mà tự do báo chí còn phải được quan niệm là tự do của độc giả có quyền biết tin tức một cách đầy đủ và chính xác.

Ngoài ra người làm báo muốn xứng đáng được hưởng "đệ tứ quyền" thì phải biết hòa đồng quyền lợi của cá nhân mình, của phe nhóm mình vào quyền lợi quốc gia, vào đời sống tập thể. Nói khác đi, trong giai đoạn hiện tại và trong tương lai nữa, chúng ta phải quan niệm quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí với ý niệm phục vụ quyền lợi tối cao của tổ quốc và dân tộc. Tóm lại chúng tôi quan niệm một chính sách Tự do báo chí gắn liền với trách nhiệm xã hội bởi lẽ chúng tôi tin rằng chỉ có chính sách này mới đáp ứng được đòi hỏi dung hòa thực tế chính trị hiện tại của Việt Nam với ước vọng xây dựng một chế độ dân chủ toàn thiện cho Quốc gia Việt Nam.



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## A. - S Á C H :

- \* An, Nguyễn Văn, Tự do báo chí, Saigon 1958
- \* Chương, Hồ Anh, Sáng lập và tổ chức một tờ báo làng ngày  
Saigon, 1958
- \* Phách, Nguyễn ngọc , Kỹ Thuật làm báo, Saigon 1960
- \* Sưu tập luật lệ hiện hành về báo chí và ấn loát phẩm,  
Bộ Thông Tin, Saigon 1966.
- \* Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 1956, 1967

## B. - GIẢNG VĂN VÀ TẬP CHÍ, PHÚC TRÌNH, LUẬN VĂN. -

- \* Linh Trần Thúc, Luật lệ báo chí, Ban báo chí học,  
Saigon 1968
- \* Noãn, Nguyễn văn, Vấn đề kiểm duyệt báo chí, Báo chí  
Tập san, Tập hạ 1968.
- \* Linh, Trần thúc, Góp ý kiến về luật lệ báo chí Việt Nam,  
Báo chí tập san, Tập hạ 1968.
- \* Tuyên, Trần văn, Tự do báo chí và chế độ dân chủ,  
Báo chí Tập San, Tập Hạ 1968
- \* Minh, Trần nhật, Vấn đề tự do Thông tin báo chí tại  
các nước chậm tiến, Quê hương XXVII
- \* Noãn, Nguyễn văn, Xây dựng qui chế báo chí, Saigon 1969
- \* Phúc trình số 1655/H/VBTTCH ngày 16.4.1968 về qui chế  
Báo chí của Ủy Ban Thông Tin chiếu hỏi  
Hạ nghị Viện.
- \* Sỹ, Nguyễn huy Vấn đề KDBC tại Việt Nam từ 1963 đến nay,  
Luận văn tốt nghiệp ban Độc sự khóa 12
- \* Luận, Phạm huy Sự can thiệp của chính quyền vào báo chí  
Khảo luận cá nhân, Ban báo chí học viện  
Đại Học Đà Lạt.